

TÚ DÂN TẠP CHÍ

REVUE POUR TOUS.

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
13899

*Dépôt légal : la Rédaction supérieure au Tonkin
28 emplace de la Revue Pour Tous 13899
Tirage 28 ac 1 2000 exemplaires
Parus le 17 octobre 1930
N° 28*



TÔ NGỌC AN

BLICHE AN-PHO. 37 R 1930

來往志

Xâu hóa đẹp. Giá vẫn còn tươi,
da mặt nhẵn, sạch trứng cá;
dùng thuốc gì được như vậy?

PHÂN TRÂN-TRÀU ĐỎ MÀ!

Phân Trân-Trâu

Dùng để đánh mặt sẽ giữ được da mặt tốt tươi, và sạch mụn
nhọt trứng cá, làm cho da mặt trắng trẻo, thật là sinh
đẹp. Còn về mùa nóng nực này, lấy thứ phân này mà
xoa vào trong mình thì sẽ mát rôm, vừa thơm tho lại vừa mát mẻ

Mỗi lọ 0\$30

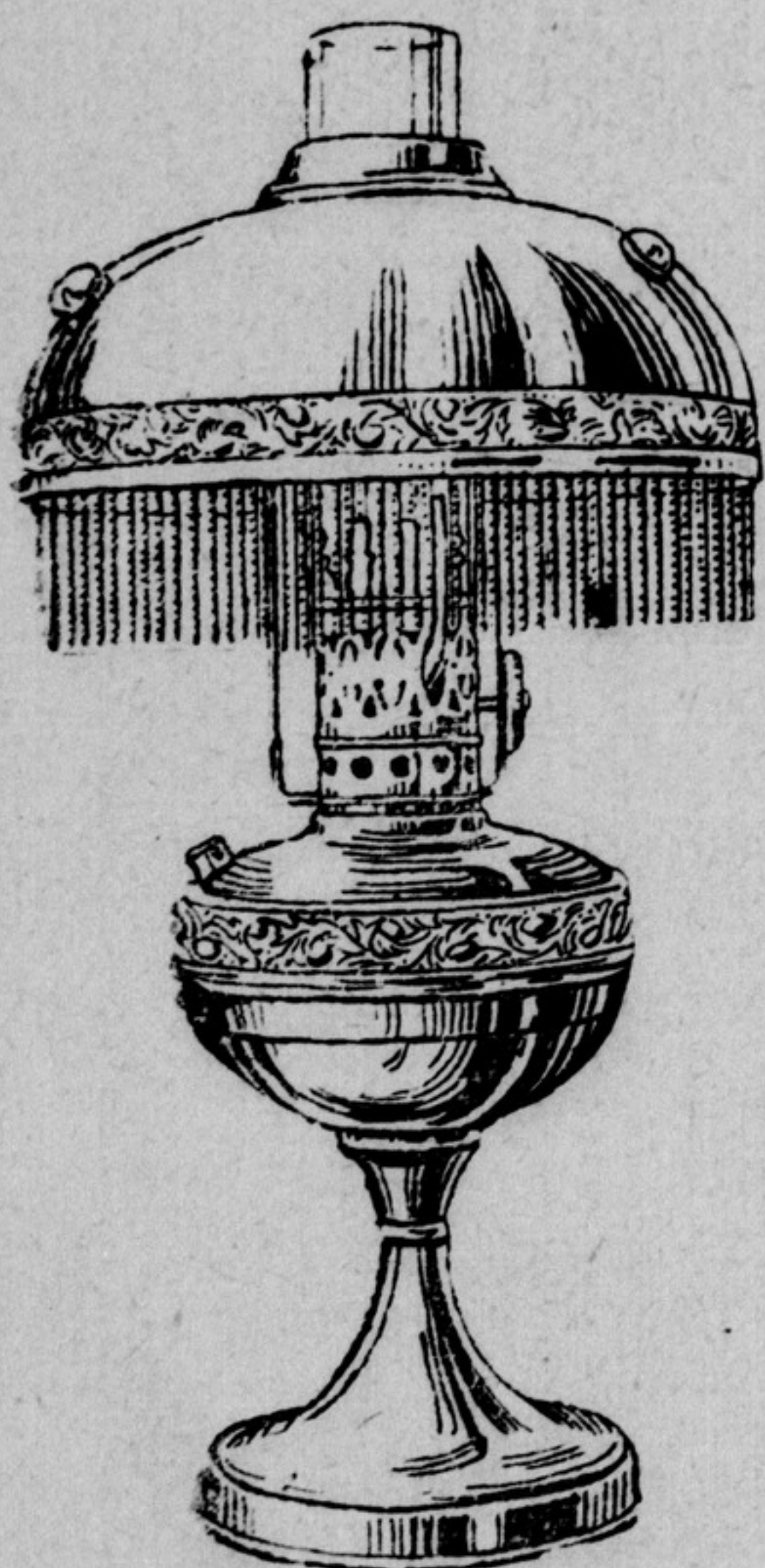


ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, Hanoi — Giày nói 805

Haiphong Đại-lý : N° 78, Số Viên-Xương phố khách

Bản-Dược-Phòng và các nơi đại-lý đều có sách thuốc biểu



Ai sành chơi đèn thì
chỉ dùng đèn manchon

ASIATIC

và đèn đun SVEA

Vừa tiện vừa rẻ

có đèn đun nội

hóa. Bán, chứa các

thứ đèn, đèn pile.

Ở XA VIẾT THƯ VỀ

LẤY CATALOGUE Ở

Dang-van-Tan

== Lampiste ==

ĐÃ GIỎN LẠI 29

Hang Bông Đệm Hanoi



THỊNH-HƯNG

27, Rue du Coton, Hanoi

Bản-hiệu bán đủ các thứ
nệm chần, màn, màn
gọng, chần, gối và các thứ
ghè mây kiểu thonet.
Bàn sơn mài áo vân vân.
Kiểu đẹp, hàng tốt, giá rẻ.

XXXXXXXXXXXX

Articles pour literie

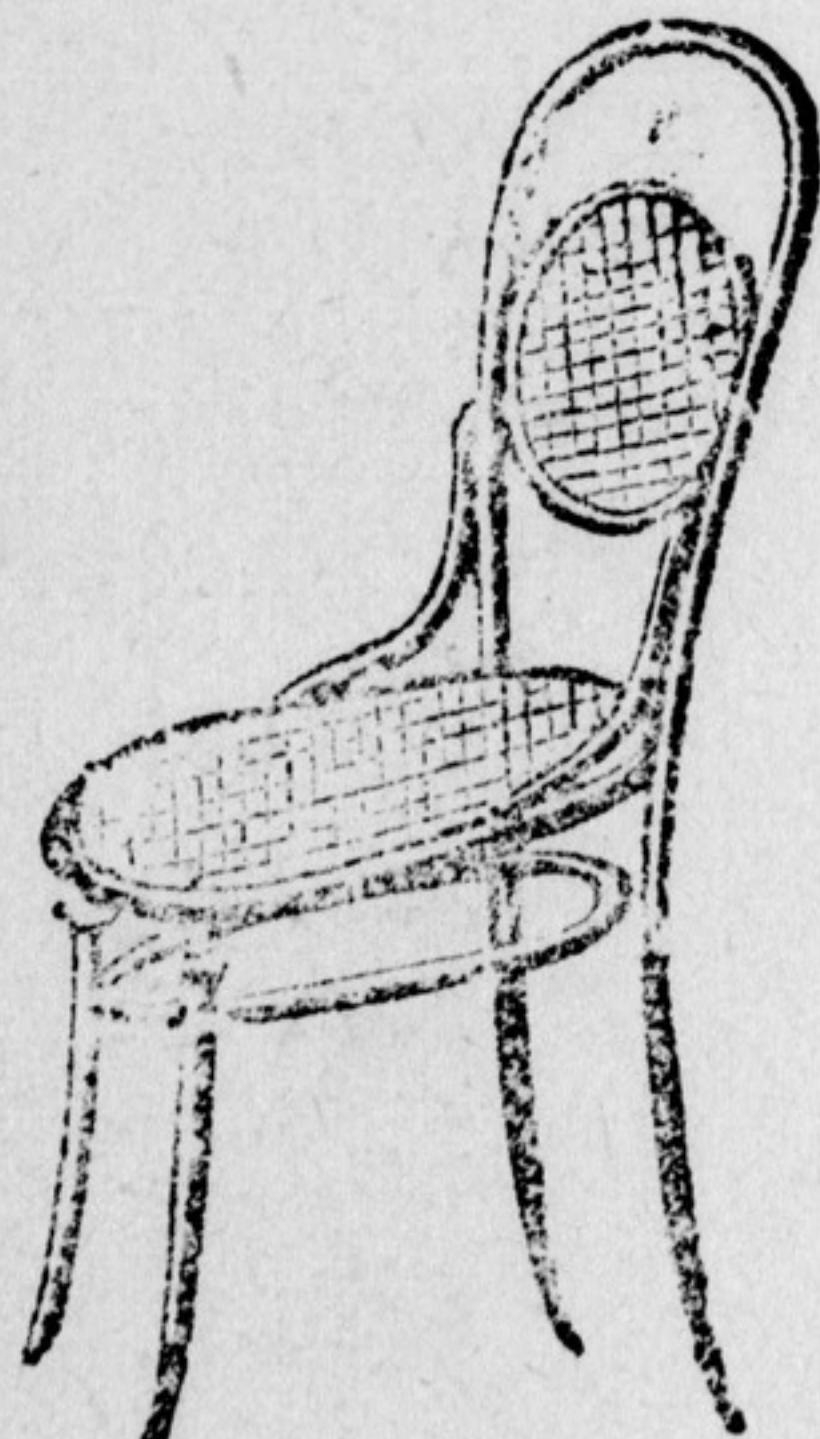
— Chaises genre

Thonet — Tables et

Porte-manteaux en

bois et en rotin

laqués XXXXXXXX



TÚ DÂN TẠP CHÍ

REVUE POUR TOUS

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học

MỖI TUẦN LÊ RA MỘT KỲ

TÒA SOẠN VÀ TÒA TRỊ-SỰ — Số 26, Phố Hàng Đậu, Hanoi — Téléphone: n° 847

Giá mua báo ĐÔNG-PHÁP

Một năm . . .	4p.80
Sáu tháng . . .	2 50
Ba tháng . . .	1 30
Mỗi số . . .	0 10
NGOẠI QUỐC	
Một năm . . .	7p.00
Sáu tháng . . .	3 50

Fondateur: H. TISSOT

Résident Supérieur honoraire

CHỦ-NHIỆM: TIẾT-KIM-BẮNG

TRỊ-SỰ KIÊM QUẢN-LÝ: TIẾT-NHU-NGỌC

Tarif des abonnements INDOCHINE

Un an . . .	4p.80
Six mois . . .	2 50
Trois mois . . .	1 30
Le numéro . . .	0 10
HORS DE L'INDOCHINE	
Un an . . .	7p.00
Six mois . . .	3 50

Năm thứ nhất — số 27

Samedi 6 Septembre 1930

MỤC LỤC

Yêu cầu mở thêm nhiều trường học
Pháp luật chỉ nam

Văn thơ

Văn dịch

Tiểu thuyết David Copperfield (Tiếp theo)

Tiểu thuyết nhất thiên nhất dạ thoại — Ông thần và
người lái buôn (Tiếp theo)

Các hội buôn

Giống cà-phê — Phòng ngự sét đánh — Tư tưởng

Phụ-nữ: Đàn bà Việt-Nam phải chăng là can đảm hiền
thục nhất trong nữ lưu Thế-giới

Cùng bạn trẻ: Khỉ làm bố — Giấy đốt thơm

Câu truyện phiếm — Năm ngày ở Hanoi (Tiếp theo và hết)

Thơ đố và thơ giải

Chanh vẽ khôi hài

Thư tin vật — Kính cáo các bạn độc-giả

Thời sự — Thề lệ bảo cử Tổng-Lý sửa đổi lại
Quảng-cáo

SOMMAIRE

Lettre d'un abonné au sujet de l'Enseignement
Causerie juridique (Les jeux, paris, loteries)

Poésie chinois et Poésie annamite (à suivre)

Chanson d'Automne (traduction)

David Copperfield (suite)

Les mille et une nuits « Le Génie et le marchand » (Suite)

Causerie commerciale

Agriculture « Le Café » (Suite voir Revue N° 13)

Précaution à prendre contre la foudre

La femme annamite dépeinte par elle-même

Contes humoristiques

Cinq jours à Hanoi (suite et fin)

Charades et Rébus

Croquis de la semaine

Petites correspondances

Nouvelles de partout

Annonces



YÊU CẦU THÊM CHO NHIỀU TRƯỜNG HỌC

Chúng tôi tiếp được một ông bạn quý của Bản-chí gửi cho bài sau này văn-chương giản-dị mà thích thực, vậy xin vui lòng đăng nguyên văn ra sau đây, may ra cũng có được bổ ích ít nhiều.

Tôi là một người đọc Tứ-dân Tap-Chí, tôi thấy Tap-chí lấy mục giấy trẻ làm một mục cốt yếu, thì tôi lấy làm vui mừng lắm. Vì cái vấn-đề giáo hóa thực là một cái vấn-đề trọng nhất ngày nay. Lúc giao thời này là lúc thay cũ đổi mới, mà xem ra cái nền văn minh cũ thì tan dần dần đi mau lắm, mà cái mới thay vào thì tựa hồ như không kịp.

Vậy tôi lấy lòng nhiệt thành viết ra bài này đề Ngai xét có nên trình lên Chính-Phủ những nỗi khó khăn của các nhà Việt-Nam cho con em theo học.

Phàm con người ta, ai cũng phải cần học như là cần cơm gạo ăn vậy. sách Tam-tự-kinh đã có câu rằng: « Nhan bất học bất cư lý » nhờ có câu thánh-giáo ấy, mà dân Việt-Nam ta, tuy nhiên sự học không có bắt buộc, mà ai ai cũng có theo đòi ít nhiều bút nghiên cả.

Một người nhà quê những kiếm ăn cũng đã khó, thế mà còn biết đủ nhau bầm bầy nhà rước thầy đồ để dạy học con cái, cảm lòng chịu đủ mọi sự thiếu thốn. Những dân quê ta chỉ quanh quanh ở mấy tấc điền địa, không mấy khi ra khỏi cửa làng, chỉ biết cái hồn phận làm dân đóng thuế, chứ có phải

là cho con học hành như thế là ai ai cũng có trí mong cho con làm quan đâu. Cốt ý chỉ để cho con thông văn tự để biết cương thường mà thôi.

Người ta vẫn xét nhầm là dân Việt-nam chỉ thích làm quan thôi. Hoặc giả cái nghề làm quan là một nghề chóng giàu thì có lẽ cũng có kẻ ham chuộng thực chẳng. Nhưng phần nhiều cũng hiểu rằng nếu hết thầy mọi người làm quan cả thì quan để đâu cho hết. Vả chẳng mấy năm nay, nhờ cái tân-trào khoa học người ta lại càng hiểu rõ rằng đường thực nghiệp cũng quý lắm.

Vậy thì tôi xin nhắc lại rằng những nhà làm bố mẹ cho con đi học cốt để cho con biết đạo làm người, chứ không phải cốt để cho con làm quan.

Nhất là ngày nay người mình lại càng cần sự học hơn hết cả mọi lúc khác. Ai ai cũng biết rằng dù làm nghề nghiệp gì cũng cần phải có biết ít nhiều chữ, làm thợ làm thuyền, đi buôn đi bán, làm gì cũng phải có chữ mới được.

Dân đã thích học như thế, đã biết cần học như cơm gạo, vậy thì nhà nước cần phải chỉnh đốn việc học hơn hết mọi việc. Muốn cho được lòng dân, muốn cho bớt ít

kể ca thán, chẳng gì bằng mở cho nhiều trường học.

Cái ý kiến này cũng chẳng phải là mới. Tôi thường thấy những nhà chính-trị rất chuyên cần về việc mở mang sự học, nhà trường một ngày một mở thêm nhiều. Trong chốn hương thôn có trường hương-thực, các nơi sở tại Phủ, Huyện có trường kiêm-bị, các tỉnh nhơn lại có trường thành-trung.

Như vậy mà lại còn kêu là thiếu trường học là nghĩa gì ? Nhưng cứ lấy dân số ra mà tính thì có lẽ phải đến gấp hai lần ấy trường nữa mới gọi là đủ. Hãy lấy ngay vụ tìm trường đầu tháng septembre (tháng chín tây) mới rồi làm bằng chứng rõ ràng. Các trường công, trường nào cũng không nhận được hết học trò xin học, vì không đủ chỗ. Các trường tư nhờ đó cũng nhận thêm được nhiều học trò, nhưng cũng không đủ chỗ, nên phải loại bớt mất cũng lắm. Ngót sáu trăm học trò đã có bằng cơ-thủy thi vào học lớp thành-trung thì chỉ được có 120, còn hơn 400 nữa vu vơ không có chỗ học. Năm nay Nhà nước rộng cho trẻ Việt-Nam vào thi ở Lycée thì cũng chỉ được một ít gọi là thôi, thế là lại mấy trăm nữa không có chỗ học. Đan cử một thành phố Hanoi mà còn thế thì các tỉnh biết là ngần nào, biết bao nhiêu trẻ không có chỗ học. Tôi xin nói thêm rằng: vì sự xin học cho con khó lòng thế, nên cha mẹ học trò phải đâm đầu đâm đuôi đút lót hết chỗ này chỗ nọ.

Vậy nay làm thế nào cho bọn thanh niên cần học ấy được ?

Cho đi làm ruộng chăng ? Làm ruộng nhưng khổn cha mẹ nghèo không có thóc ruộng nào thì sao ?

Cho đi các xưởng thợ học nghề chăng ?

Cho đi học nghề ngay thì người làm cha mẹ cũng không đành tâm mà bọn trẻ cũng không thích.

Xưa nay thì sự học nước ta là tối trọng. Tất phải có đỗ được bằng nọ bằng kia mới cao phẩm người lên được, vẻ vang cho cả họ. Chả thế ta vẫn có câu bi những người không học được là : « Nhà không có đất ». Và chẳng ta đã vẫn yên trí rằng tất phải có đỗ mới đạt được. Tuy nhiên ngày nay không cần phải thế mới có danh dự vẻ vang, mới kiếm được nhiều tiền, nhưng chỉ vì mình đã tin như vậy từ bao nhiêu đời nay, thì một chốc cũng khó lòng mà tỉnh ngay được.

Vả chẳng việc học sao nhãng một ngày là chậm một ngày. Nhất là nay lại có hạn tuổi thì lại không may cho nhiều người lắm vì là năm nay không được vào, sang năm là quá tuổi rồi. Nếu bảo rằng sao những bọn giở giang ấy không kiếm nghề mà học cứ loay hoay vào học chữ làm gì ? Nhưng khổn học nghề cũng phải có chữ mới được, như học trường Canh-nông-thực hành, học bách-công, cũng phải ít ra đỗ bằng cơ-thủy rồi mới được.

Những điều tôi kể qua ra trên này, trắc ai ai cũng đã thừa biết cả, Nhưng tôi tưởng cũng nên nhắc lại đề Quý-Chí tiện trình lên quan trên lượng xét lại cho dân nhờ, Kéo ta vẫn thấy biết bao nhiêu nhà ca thán rằng nông nổi học hành ngày nay khó khăn quá đổi. Ngày xưa ba bốn mươi tuổi mới là lúc lập thân, có người năm sáu mươi tuổi còn vác lều chiếu đi thi, cha con thi một khoa. Bấy tám mươi còn mong có ngày tiến thủ, tức như ông Thái-công 80 tuổi mới gặp vua Văn-vương, mà ngày nay mới mười mấy tuổi đầu đã lỡ thi rồi.

Ấy đấy những hạng phần trí không được bằng lòng ở những hạng đấy mà ra, chứ ở

dầu. Càng ngày càng nhiều ra, mà càng nhiều ra thì càng nguy cho xã-hội.

Những hạng học giở giở gianggiang ấy còn hại hơn là rớt dặc. Cổ nhân đã có câu : « Rớt dặc hơn hay chữ lỏng ». Chẳng thà như ngày xưa, tuy cũng nhiều người không được học, nhưng từ lúc mới lên mấy tuổi vỡ lòng đã bập bẹ được năm ba chữ, tức là đã được in vào trong trí não mấy điều luân lý cốt yếu như nhân, nghĩa, lễ, chí, tín, để làm cái phương châm sử thế rồi.

Ngày nay lại không thế, nào là những tự-do, bình-dẳng, đồng-bào, là những cái mầm mống đã nảy trong óc non nớt của trẻ. Thế mà trẻ không học được cho rộng thì tài nào mà chẳng hiểu nhầm được ? Ấy cũng chỉ vì hiểu nhầm thế, mà chỉ trừ ra một phần ít nhà dữ được gia đình giáo dục còn phần nhiều hầu như hồng cả. Ta chả thường thấy ở cửa miệng những bọn trẻ mất giậy nói rằng : « Thời buổi văn minh này, không có gia đình chuyên chế được nữa... » thành ra cha không bảo nổi con, con không vâng nhời cha nữa. Gia-đình mà còn hồng thì xã hội còn trật tự nào nữa.

Bọn Cộng-sản thừa cơ những cái khuyết điểm ấy mà đem cái thuyết Cộng-sản đi truyền bá, khéo tô điểm bày tỏ là mục đích

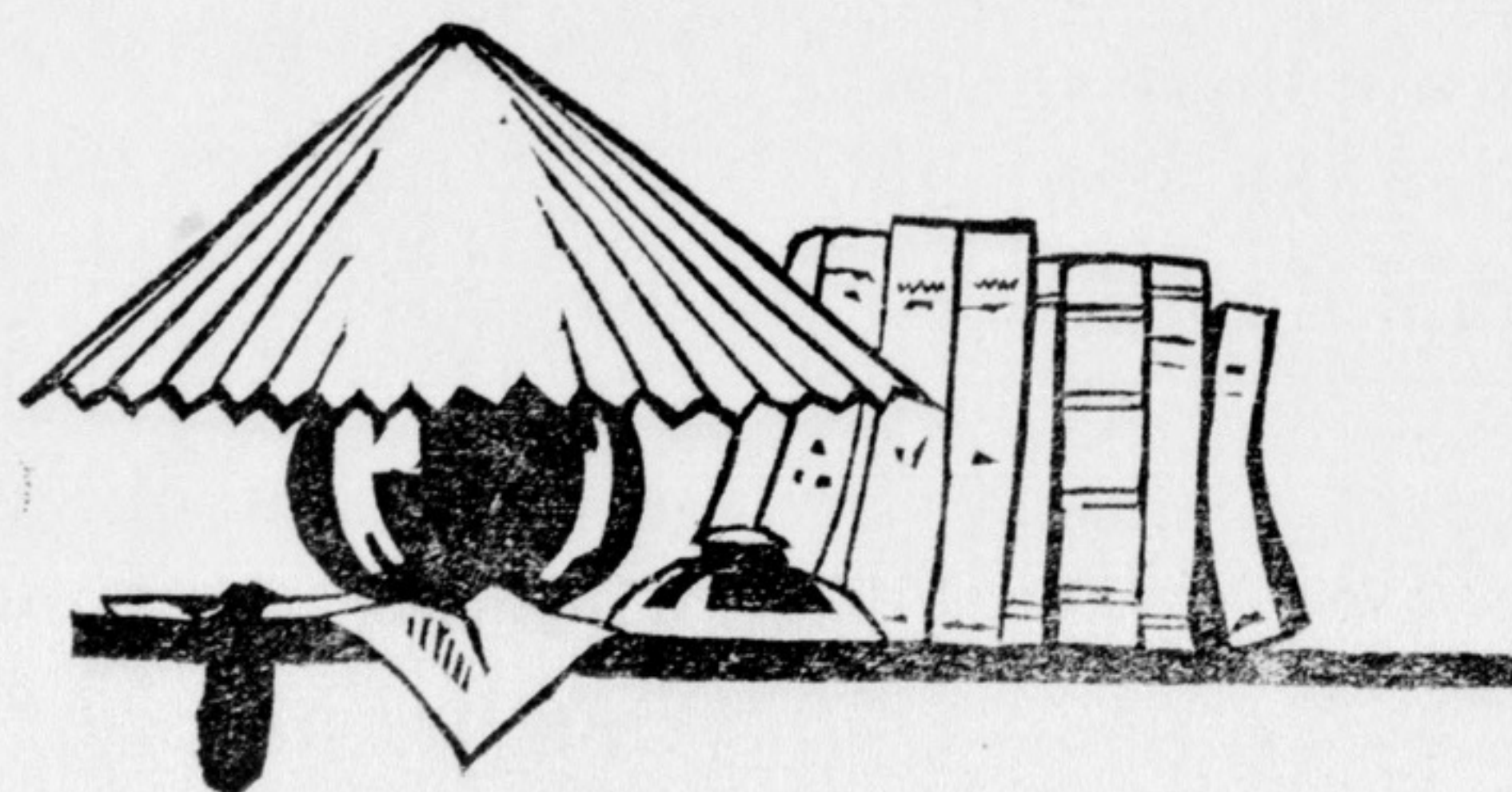
hay thì bọn thất học, trẻ người non già, chưa biết suy xét gì, thì tất nhắm mắt mà theo.

Vì những lẽ tôi đã rãi bày ở trên đây, nên tôi yêu cầu rằng, trước hết mọi việc cải lương, cải lương việc học là cần nhất. Tôi coi cải lương việc học nghĩa là mở thêm trường cho đủ trẻ học, còn hơn là chỉnh đốn quan trường hay là các việc khác cũng cần nhưng chưa cần bằng. Mà mở trường kỹ-nghệ lại còn cần hơn nữa. Trước hết hãy mở ở các tỉnh to như Nam-Định, Hải-Dương, Bắc-Ninh, Thái-Bình, Bắc-Giang, Lạng-Sơn, Tuyên-Quang, Yên-Bay, mỗi tỉnh ít ra cũng phải có lấy một trường kỹ-nghệ.

Chúng ta đã biết rõ là ta chịu ân nước Đại-Pháp là nhường nào. Chúng ta cũng nên biết rằng nhờ nước Đại-Pháp mà ta đã được tân tiến nhiều cả về đường tinh thần và vật chất. Nhưng nước Đại-Pháp muốn lập cái cơ chỉ vững bền bền này, trừ cái nạn cộng sản cho ta, thì tưởng không gì bằng nâng cao cái trình độ cho bọn tân tiến. Bọn tân tiến ấy mà có học thức thì sẽ không lạc được, tất là nước Pháp được những tôi hiền.

Về cái vấn đề này thì dầu đến hàng quyển sách nói cũng không hết. Nếu Quý-Chí xét có thể dăng những nhời tôi thỉnh cầu đây thì kỳ sau tôi sẽ có bài luận thêm cho rõ.

NGUYỄN-HIỆU-HỌC



PENSÉE

Nul n'est juste sans charité.

VANVENARGUE

CÁCH NGÔN

Phi nhân đức thì không công bình.

PHÁP LUẬT CHỈ NAM

Causerie juridique

Jeux, paris et loteries

(Code pénal tonkinois)

Il semble que le jeu soit chez les Annamites un vice originel, une passion atavique, car aussi loin qu'on remonte dans l'étude de leur législation, on voit que leurs rois ont multiplié les interdictions et sanctionné sévèrement les infractions.

Nous rappellerons les textes les plus caractéristiques :

En 1429 le roi Lê Thái-Tổ rendit un édit ainsi conçu dans sa cruauté : « Quiconque jouera de l'argent sera condamné à avoir cinq *phân* des mains coupés ; quiconque jouera au *cờ vây* (échecs) sera condamné à avoir un *phân* des mains coupé... »

Cet édit fut repris par une ordonnance du roi Lê-Thánh-Tôn (1460-1497), puis par un décret du 7^e mois de la 1^{re} année du roi Lê-Huyền-Tôn (1662-1671) portant instruction pour la réforme des mœurs où il recommande en particulier aux parents de ne s'abandonner ni à la débauche, ni à la boisson, *de ne pas s'adonner aux jeux*, de ne pas se lancer dans les amusements et les plaisirs, ce qui est contraire aux saines coutumes et à la morale.

Le code des Lê avait consacré au jeu ses articles 188 et 189 : « Article 188. Ceux qui se seront réunis à plusieurs pour jouer seront punis de 70 coups de trượng, d'un abaissement de 3 degrés, et d'une amende de 3 ligatures qui sera attribuée au dénonciateur à titre de récompense. La peine du principal auteur et des récidivistes sera augmentée d'un degré. La peine des coauteurs sera diminuée d'un degré. Les valeurs et objets ayant servi d'enjeux, ainsi que les titres de vente et d'achat seront confisqués au profit de l'Etat. Lorsque les faits se seront passés durant une période de deuil national, la peine sera augmentée d'un degré... »

« Article 189. Ceux qui auront joué aux échecs seront punis des peines prévues pour les joueurs, avec diminution d'un degré. Les chefs militaires qui auront joué pour mesurer leur adresse ne seront pas punis. S'ils ont joué de l'argent ils seront punis des peines ci dessus. »

L'article 343 du Code de Gia-long punissait les joueurs et les tenanciers de 80 coups de trượng et on expliquait dans son commentaire officiel que « ceux qui s'exercent et s'adonnent au jeu doivent certainement, à la fin, oublier leur métier, aban-

Đánh bạc, đánh cuộc và mở số

(Hình-luật Bắc-kỳ)

Xem ra thì cái thói đánh bạc ở dân tộc Việt-Nam tựa hồ như một cái cố-tật, một nết ham mê lưu truyền, vì rằng càng kê cứu các luật lệ về mãi tận xưa thì lại thấy các vua càng ngày lại càng ra thêm luật cấm giới hình phạt rất nặng nghiêm. Chúng tôi xin kê ra đây mấy minh-diệu về tội ấy.

Năm 1429 đức Lê-Thái-Tổ xuống chỉ nghiêm nghị đến như sau này : « Kẻ nào đánh bạc phải cắt năm phân ở tay ; kẻ nào đánh cờ vây sẽ phải cắt một phân ở tay... »

Đến đời vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497) lại xuống chỉ nhắc lại cái luật ấy.

Sau vua Lê-Huyền-Tôn (1662-1671) xuống chỉ ngày tháng bầy năm nguyên-niên cải lương các phong tục, có nhắc riêng lại rằng phạm làm kẻ phụ huynh không được tửu, sắc, không được *ham mê đồ bạc* không được phóng túng chơi bời, vì cái thói ấy là thương luân bại lý cả.

Lê-chiều. Hình luật có điều 188 và 189 nói riêng về đồ bạc.

Điều 188 nói rằng : « Tự họp nhiều người đánh bạc sẽ phải phạt 70 trượng, giảm tam đẳng, và phạt 3 quan để thưởng cho kẻ đi tố giác. Kẻ chính phạm cũng như kẻ tái phạm đều phải gia nhất đẳng. Tù phạm thì được giảm nhất đẳng. Các đồ đạc và tiền nong làm tang vật đánh bạc và các văn tự văn khế mua bán ở đấy đều phải tịch ký sung công. Nếu mà phạm tội ấy vào buổi có quốc-tang thì sẽ phải gia tăng nhất đẳng... »

Điều 189 nói rằng : « Kẻ nào đánh cờ cũng phải án phạt như đánh bạc nhưng được giảm nhất đẳng. Các quan võ mà đánh cờ để thử tài thì không phải phạt. Nhưng nếu đánh bạc thì cũng phải tội như đã kê ở trên. »

Gia-Long hình luật, điều 343 phạt những kẻ đánh bạc và chứa gá 80 trượng. Ở dưới điều ấy có cước trú rằng : « Kẻ nào chuyên nghề hoặc ham mê đánh bạc, tất về sau quên cả nghề nghiệp làm ăn, nhác bỏ không trông nom đến vợ con, thì cũng coi

donner et délaisser le soin de leur famille ; ils sont comparables aux malfaiteurs et aux vagabonds qui entraînent les autres dans la dissolution.»

Non seulement les enjeux étaient confisqués mais la maison de jeu était saisie au profit de l'Etat.

Une ordonnance de la 28^e année de Tự-Đức (1875) fixa la peine du tenancier à 70 coups de truong et un an et demi de travail pénible ; les joueurs subissaient cette peine diminuée d'un degré. Les enjeux étaient saisis moitié au profit de l'Etat, moitié au profit du dénonciateur et des agents saisissants ; les biens du tenancier étaient confisqués. Les chefs de canton, lý-trưởng et chefs de marché négligents dans la surveillance des jeux étaient condamnés au maximum du truong et destitués de leurs fonctions ; les đốc học, giáo thụ et huân-đạo, les pères et frères aînés qui n'avaient pas su par des ordres et des avertissements suffisants empêcher leurs élèves, leurs fils ou frères cadets, de se livrer au jeu, étaient punis de 80 coups de truong rachetables changés pour les fonctionnaires en une rétrogradation de deux classes avec maintien en fonctions.

Toute cette législation ne semble avoir nullement diminué chez les indigènes la passion du jeu qui les séduit par le double attrait de l'inconnu et des émotions fortes, sans compter l'amour du lucre qu'il excite. Ce fut une des premières constatations des Français venus dans le pays.

Michel Đứơc Chaigneau dans ses *Souvenirs de Huế* écrivait il y a cent ans : « Je crois qu'il n'y a pas de plus grand plaisir pour les Annamites pendant ces jours de fête (le Têt), que le jeu d'argent qui n'est permis qu'à partir du premier jour de l'an jusqu'à la reprise des travaux.... Après le repas, on se divise par groupes et on se livre au jeu d'argent, qui dure pendant une partie de la nuit.... Les Cochinchinois aiment passionnément les jeux d'argent, aussi s'y livrent-ils avec délices... Dans les maisons, sur les places publiques et même dans les rues, on voit des groupes de joueurs. Un individu n'a-t-il que quelques sapèques dans les plis de sa ceinture, il les risque ; et, s'il les perd, il cherche par tous les moyens, à s'en procurer d'autres et à courir de nouveau les chances. »

M. Pallu de la Barrière dans son *Histoire de l'expédition de Cochinchine* constatait en 1859 : « Les Annamites ont un penchant très marqué pour le jeu. Les manœuvres employés aux constructions dirigées par le génie à Saigon n'avaient rien de plus pressé lorsqu'ils avaient touché leur solde composée de quelques sapèques, que de la jouer, la main fermée à pair ou impair. Leur geste était net, rapide, convulsif. Ce jeu allait fort vite ; en un clin d'œil tout passait entre les mains d'un seul gagnant ; on empruntait alors sur la solde du lendemain et la partie recommençait. »

Plus récemment, en 1913, un voyageur M. Lang

như là đồ bất lương du đang làm hại đến cả người khác.»

Chẳng những là chỉ tịch ký những tang vật đánh bạc mà thôi, cả cái nhà gá bạc cũng phải tịch sung công nữa.

Chỉ dụ năm Tự-đức 28 (1875) định phạt người chứa gá 70 trượng và một năm ruỗi khổ sai, những người đánh bạc cũng đồng tội nhưng được giảm nhất đẳng. Tang vật đánh bạc thì tịch ký để một nửa sung công còn một nửa thì cho kẻ tổ giặc và người đi bắt ; tài sản người chứa gá phải tịch biên cả. Cai-tổng, Lý-trưởng, Khán-thị chề nải không chịu can thiệp phòng về việc cờ bạc đều phải mãn trượng và bãi chức ; Đốc-học, Giáo thụ Huân-đạo, phụ, huynh, không biết khuyên bảo giậy giổ đề học-trò, cùng con em đánh bạc thì phải 80 trượng nạp thực, nếu hiện đương tại chức thì được dời ra làm giảng nhị cấp lưu.

Những hình phạt như thế mà xem ra dân gian cũng không bớt ham mê cờ bạc được chút nào. Cái thói háms lợi chẳng kể chi, nhưng lại còn hai cái bả nó dữ cho người ta là cái « nhất nọ nhị kia » và cái máu mê nữa. Nội người Pháp mới sang đến xứ này là thoát tiên đã xét thế rồi.

Đã một trăm năm nay ông, Michel Đứơc Chaigneau (Nguyễn-văn-Đứơc) chép trong quyển « Kinh-thành biết trước » rằng : « Tôi tưởng rằng không có gì vui cho người Việt-Nam hơn là ngày tết được đánh bạc ; từ mồng một tết thì được phép đánh cho đến ngày lại bắt đầu làm việc... Cữ ăn uống xong rồi là đám nào đám ấy họp nhau đánh bạc, đánh mãi cho đến một phần đêm... Người Nam-kỳ lại càng thích đánh bạc lắm nên hề được đánh là xường... Trong các nhà, ngoài đầu đường số chợ thấy tụ họp từng bọn mà đánh. Dầu người nào chỉ có vài đồng kẽm ở vành lưng cũng trực giọng hóa, nếu thua hết là cố cào cào thế nào cho được vài đồng khác để gỡ gạc ».

Ông Pallu de la Barrière làm quyển sử Hạ-Nam-kỳ năm 1859 có chép rằng :

« Người Việt-Nam rất khuynh hướng về sự đồ bạc, những phu lam cho sở Genie ở Saigon coi việc kiên trực, mỗi kỳ lĩnh lương được mấy đồng tiền thì công việc gì cũng không vội vàng đem đi đánh bạc đã, đánh chán lẽ hốt tay. Hốt bốc gọn gang nhanh lẹ lắm ; chỉ nhảy mắt một cái là anh nào

écrivait : « L'Annamite aime les longues causeries, les narrations et surtout le jeu ; celui-ci est sa plus forte passion ; hommes et femmes, jeunes et vieux, sont tous joueurs effrénés ; ils jouent sans retenue et perdent volontiers tout ce qu'ils possèdent ; ensuite ils empruntent s'ils peuvent, volent au besoin et recommencent. Les hommes vont même jusqu'à jouer quelquefois leurs femmes de second rang. Le gouvernement annamite a toujours défendu le jeu, punissant très sévèrement ceux qui en le provoquant, amenaient fatalement des vols, des crimes, les joueurs malheureux ne reculant devant aucun obstacle pour satisfaire leur passion (E. Langlet, *Le peuple annamite*, p. 122).

Le jeu conduit en effet à la ruine, puis à l'abus de confiance, à l'escroquerie, ensuite au vol, au pillage, à l'assassinat, parfois au suicide ; aussi le Code pénal tonkinois actuel promulgué en 1921, lui a consacré deux articles dont voici le texte :

« Article 305. Ceux qui sans autorisation de l'autorité supérieure, auront tenu ou fait tenir pour leur compte ou pour celui d'autrui, en quelque endroit que ce soit, une maison de jeux de hasard ou de paris et y auront laissé entrer le public, les tenanciers de ce jeu, tous ceux qui auront établi des loteries non autorisées par le Gouvernement, tous administrateurs, préposés ou agents de ces établissements, seront punis d'un emprisonnement de 6 mois au moins, de 2 ans au plus et d'une amende de 40 piastres à 1.400 piastres.

En cas de récidive, la peine de l'emprisonnement devra toujours être portée au double.

Dans tous les cas, seront confisqués toutes les valeurs qui seront trouvées exposées au jeu ou mises à la loterie, les meubles, instruments, ustensiles, appareils destinés ou employés au service des jeux ou des loteries, les meubles et les effets mobiliers dont les lieux seront garnis ou décorés.

Toute personne convaincue d'avoir joué dans un des établissements désignés ci-dessus sera punie d'un emprisonnement de 6 jours au moins et de un an au plus, et d'une amende de 10 piastres à 100 piastres.

En cas de récidive, la peine devra toujours être portée au double....»

« Article 323. Seront punis d'un emprisonnement d'un jour à cinq jours et d'une amende de 20 cents à 6 piastres ou de l'une de ces deux peines seulement ceux qui auront établi ou tenu, dans les rues, chemins, places ou lieux publics, des jeux de loterie ou autres jeux de hasard. »

(A suivre)

A. E. HUCKEL

được đã vét sạch ; anh thua lại vay non lương bữa mai, thế là lại ngồi vào đánh ».

Vừa năm 1913 (năm Quý-sử Duy-lân thứ 7) mới rồi ông Langlet đi du lịch có chép rằng : « Người Việt-Nam thích nói truyện nhiều, kể lể, và nhất là đánh bạc, lại càng mê nhất ; nam, phụ, lão, ấu đều mê cờ bạc lắm cả ; đánh không còn chừa hao chỉ cả, đánh kỳ thua cho sạch ; rồi ra có thể đi vay được lại vay, lấy trận được thì lấy, rồi lại đánh. đàn ông có người đánh bạc đến gần cả vợ bé. Nam-Triều ngăn cấm sự đánh bạc rất nghiêm ngặt, vì lẽ rằng đồ bạc sinh ra trộm cướp cùng các tội ác, thế mà những kẻ cờ bạc khổ nạn máu mê vẫn chẳng nhứt chút nào (xem sách ông E. Langlet, nói về dân tộc Việt-Nam, trang 122).

Cờ bạc sinh ra bại hoại là cố nhiên, rồi lại còn sinh ra gian rối, lừa đảo, trộm cướp, diệt người, tự vẫn, vậy cho nên Hoàng-Việt tân-san-hình luật thi hành từ năm 1921 tại bắc-kỳ đề riêng hai điều như sau này :

Điều 305 — Người nào không có phép quan cho mà tự làm cho mình, hoặc làm cho người khác đề tự mình lập ra hoặc cho người lập ra những cuộc đánh bạc hoặc cuộc đánh số mà gọi công chúng vào cuộc, không cử lập ra ở trường-sở nào, người cuộc-chủ, người quản-lý và người trị-sự đều phải bị phạt giam từ 6 tháng đến 2 năm và phạt bạc từ 40 đồng đến 1.400 đồng.

« Nếu gặp trường-hợp tái-phạm, thì khoản phạt giam bao giờ cũng phải gia đến gấp hai.

« Bất cứ trường hợp nào, phạm những tiền bạc đồ đạc, ghế bàn, và cơ khí, trần thiết ở nơi đánh bạc đánh số, và tất cả những đồ vật khác dùng về sự đánh bạc đánh số, đều phải bị tịch một.

« Người nào xét ra quả-thực là khách du-đồ ở trong các cuộc nói ở trên thì phải bị phạt giam từ 6 ngày đến 1 năm và phạt bạc từ 10 đồng đến 100 đồng.

« Nếu có tái phạm thì bao giờ cũng bị phạt gấp hai ».

Điều 323 — Các tội vi cảnh liệt kê sau này đều phải bị phạt giam từ một ngày đến năm ngày và phạt bạc từ 0\$20 đến 6\$00 hoặc hai thứ chỉ phải chịu một.

« Là mở cuộc đánh bạc, mở cuộc đánh số, hoặc cuộc đồ bạc khác, ở nơi đường xá hoặc ở nơi công cộng trường sở »

(Còn nữa)

VĂN THƠ

THƠ TÀU THƠ TA

Văn vần thịnh hành nhất ở đời nhà Đường, về thể kỷ thứ 7, nhất là từ, phú, thi, ca lại tấn bộ nhanh lắm.

Hầu-tước Hervey Saint Denis gộp nhặt được nhiều bài trường-thiên về đời nhà Đường chúng tôi trích nhiều đoạn trong những bài hay nhất của Hầu-tước mà hiển các độc-giả.

Bài đầu đăng đây là của thi-sĩ Lạc-Tân-Vương ; Tân-Vương làm quan to về triều vua Cao-Tôn bị bà Vũ-hậu thù mà phải chết. Ông là một nhà văn-sĩ thanh-nhã, trước khi chết, ở trong ngục có làm một bài trường thiên nho nhỏ, bài này đã nổi danh ở trong văn-giới nước Tàu, cũng tựa được như bài « **Đời hoa núi tiết** » của André Chénier làm năm 1794. Hồi ấy ông ở thành Luân-đôn làm việc ở tòa Đại-Sứ nước Pháp, cũng hồi ấy ở bên nước Pháp thì có nổi lên cuộc Cách mệnh. Ông giở về nước, thấy mấy tay cách-mệnh làm lắm việc tàn bạo thì ông khinh bỉ mà phản đối rất kịch liệt. Ông bị bắt, tổng lao tháng năm năm 1794, rồi đến tháng bảy năm ấy thì lên đoạn-đầu-đai mà chịu tử-hình.

Trong mấy tháng ông bị lao-tù ông có soạn một truyện lập thành vè, vè này lại hay hơn cả các vè của ông làm từ trước đến giờ, mà đặt tên là « **Đời hoa núi tiết** », bài này sẽ đăng sau.

Bài trường-thiên của Lạc-Tân-Vương giọng văn nghe cũng thâm sâu như cái vè « **Đời hoa núi tiết** »:

*Hơi thu quanh vắng tanh trong ngục
Tiếng ve kêu như đục cơn sâu
Hạt chi gọi kẻ bạc đầu
Trùng cơn, mà giọng lại đau đớn nhiều
Ngành xương lá ra chiều trĩu nặng
Ủ mình ve bay chẳng được cao
Tiếng thu gió thổi ào ào
Bạt đi, mất tiếng kêu gào của ve*

Lại còn một vị thi-nhân đáng liệt danh ra đây tức là ông Trần tử-Ngang, làm quan triều nhà Đường năm 684.

Ông có làm bài « **Khóc người yêu** », giọng văn thanh-nhã ý-tưởng thâm-châm, tức như một bài luận về tinh thần bất tuyệt :

*Ngày mất mẽ đi không trở lại
Mùa xuân sanh sanh mãi được đâu*

*Mơ màng tỉnh trước nghĩ sau
Gốc cây nằm khẽnh ngẫm âu sự đời
Thì hoa nở, thương ôi ; rụng héo
Chim báo tin đã rêu bên tai
Biết bao vật đổi sao rời
Tái sinh rẽ nhận được người đời xưa
Ngành hoa nở riêng khu rừng thẳm
Xuân qua hè sắc thắm hương nồng,
Sắc kia dù đẹp ai trông
Hương dù thơm ngát thưởng cùng là ai
Mặt giới bỗng non đoài nhạt bóng
Gió thu gào lá động hoa lay
Thân hoa theo gió sa bay
Hồn hoa đã biết sau này về đâu*

Các văn sĩ người Tàu thường giống vị thi-nhân thâm thúy này, hay yêu cảnh vật, tính thích nghỉ ngơi băng khuâng, ngao ngán

Lại xin trích một bài nữa của ông Trần-tử-Ngang. Bài này tưởng tượng như giọng văn của ông Lamartine là một vị thi-nhân người Pháp, sau đây sẽ đăng bài « **Cảnh hồ** » của ông Lamartine để tiện đối thi-nhân người Tàu và thi-nhân người Pháp :

*Ngọn đèn bạc khói sanh sanh ngất
Những lọ vàng bày chật bàn ăn
Trong khi vui vẻ tương thân
Yêm thay tiếng sáo như gần như xa
Ta thử nghĩ khi ta chia rẽ
Bóng giăng kia khuất về ngàn cây
Sóng ngân nhạt về ban ngày
Đường xa nghĩ nổi sau này ra sao*

Bài sau sẽ nói về thi-nhân người Nam ta, tính tình càng ham yêu cảnh vật, mà có nhiều vị chẳng kém gì thi-nhân người Tàu.

Ông G. Cordier có một quyển sách hay, tên là « **Littérateur annamite** » (văn chương Annam), xem quyển ấy thì biết rằng phần nhiều những bài thơ của người nam ta mà làm bằng chữ nho thì đều theo mẫu Đường-thi.

Tiện đây xin nói để các độc-giả biết rằng ông Phạm-Quỳnh có làm nhiều bài bằng tiếng Pháp đăng ở trong báo « **France-Indochine** » khảo cứu rất hay về thi-sĩ người Tàu và thi-sĩ người Nam.

L. V. V.



Chanson d'Automne

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone.

Tout suffoquant
Et blême quand
Sonne l'heure
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure ;

Et je m'envais
Au vent mauvais
Qui m'emporte,
De-ci, de-là,
Pareil à la
Feuille morte.

P. VERLAINE (Poèmes Saturniens)

Thu Ngâm

Thồn thức sầu,
Thoảng đàn đầu.
Thu như rầu,
Bâng khuâng lòng đau.
Hiu hắt tuôn sầu,
Sớm chiều như nhau.

Thồn thức gan vàng,
Lạnh lòng tình thương,
Bỗng như nghe chuông.
Chợt động can trường,
Nhớ xưa vẫn vương,
Lệ sầu như sương.

Lang thang ơ thờ,
Lăn theo gió thu.
Mặc cho gió đưa,
Vân vân vơ vơ,
Nào khác chi là.
Tà tà lá khô.

LÝ-NGUYỄN-BÁCH

Giời thu, gió thổi hắt hiu,
Như than như khóc, gọi kêu mỗi sầu,
Lòng vàng té tái rầu rầu,
Ngày dài dằng dặc một màu thê lương
Đồng hồ bỗng điểm trên tường,
Hồn mê chợt tỉnh, can trường lao đao.

Chạnh niềm cảnh cũ năm nào,
Khôn ngăn rọt lệ rào rào tuôn rơi.
Thôi đành phó mặc có giờ,
Cho soay cho chán cuộc đời tang thương.
Bằng như chiếc lá lìa rừng
Theo chiều gió cuốn biết ngừng nơi nao.

NGUYỄN-TRUNG-DÔNG

Trường thiên tiểu thuyết

Gã Đê Vít Còp Pain Con

Nguyên văn bộ DAVID COPPERFIELD của Charles Dickens

NGUYỄN-TRUNG-DONG dịch

Tôi bị ghét bỏ

(Tiếp theo)

« Em Đê-Vít ơi. !.... Mấy ngày hôm nay, mà chị không sẵn sóc thăm nom em ... như trước kia... không phải là chị không yêu em nữa đâu... em ơi, chị vẫn yêu em lắm... mà lại yêu hơn trước nữa... chị cũng nghĩ rằng như thế thì hay cho em hơn... vả lại còn một người khác nữa kia... Em Đê-Vít ơi, em có nghe đấy không? Em có nghe được không? »

— » Có... có... ồ... ồ, chị! »

Bạch-Cốt-Thị lại nói, ra ý thương tôi lắm :

« Em chị ơi, chị muốn nói với em điều này.... là em đừng bao giờ quên chị nhé! ... vì chị không bao giờ quên em đâu... Em ạ! chị xẽ trông nom mẹ của em... cũng như chị đã trông nom em... không bao giờ chị bỏ mẹ em chị đi đâu... Có một ngày kia rồi mẹ em xẽ lấy làm vui lòng là còn được gối đầu trên cái cánh tay của mẹ già lần cần giờ hơi này.... Ngày ấy chị sẽ viết thư cho em biết, em ạ!... Chị không giỏi giang gì ... song chị cũng sẽ viết. »

Rồi mẹ gục đầu xuống hôn cái lỗ khóa, vì mẹ không hôn được tôi.

Tôi nói :

« Em cảm ơn chị lắm, chị Bạch ạ! Nay chị, chị hứa với em điều này nhớ em muốn chị viết thư cho Bạch-Công và Em-Lý, cùng cả bà Gum-Mịch với lại anh Năm nữa, để cho cả nhà biết rằng em không đến nỗi hư lắm thế đâu, mà đừng tưởng như thế; và bảo em gửi nhời hỏi thăm tất cả nhà, mà cốt nhất là Em-Lý, Chị viết nhớ chị nhớ! »

Mẹ vui lòng nhận nhời ngay, cả hai chúng tôi đều hôn cái lỗ khóa một cách yêu dấu (tôi còn nhớ tôi lấy tay vuốt ve cái lỗ khóa, tưởng như là mặt mẹ ở đấy), rồi ai đi đằng nấy. Từ cái đêm ấy ở trong lòng tôi, sinh ra một mối cảm tình đối với Bạch-Cốt-Thị, mà tôi không thể phân biệt rõ

ràng nó ra thế nào được. Bảo mẹ thay vào địa vị mẹ tôi, thì không được. Không ai có thể thay thế được. Song mẹ chiếm riêng một phần ở trong góc lòng tôi, khiến tôi đối với mẹ có một cái cảm tình riêng mà tôi chưa hề có đối với một người nào khác. Cái lòng yêu thương ấy, cũng hơi ngộ nghĩnh buồn cười. Giá mà mẹ chết đi, thì tôi không biết tôi phải làm thế nào; đối với cái bi kịch ấy không biết tôi phải xử trí ra làm sao.

Sáng ra, cô Mặc-Tôn cũng lên như mọi ngày; cô bảo tôi phải vào trường học (cô tưởng rằng tôi chưa biết hẳn!). Cô bảo thêm tôi rằng mặc quần áo song thì phải xuống dưới nhà, vào buồng khách để ăn điểm tâm. Xuống đến nơi, tôi thấy mẹ tôi ngồi ở đấy, mặt sanh nhợt, hai mắt đỏ ngầu. Tôi liền chạy vào lòng mẹ tôi, và xin mẹ tôi tha thứ cho tôi.

Mẹ tôi nói :

« Chao ơi, con! Con mà lại nghịch cùng những người mà mẹ yêu dấu ư! Con ơi, con phải cải quá cho thành một người tốt mới được. Mẹ van con con phải cố gắng lên. Mẹ tha thứ cho con; nhưng mà mẹ buồn quá, con ơi, vì sao con lại sinh ra có những tính xấu như thế! »

Họ đã khéo phỉnh cho mẹ tôi yên chí rằng tôi là một đứa hư, thành ra mẹ tôi lại lấy thế làm buồn hơn là sự biệt ly. Tôi thấy thế mà đau lòng.

Tôi cố ăn bữa điểm tâm cuối cùng của tôi trước cái giờ ly biệt; song nước mắt tôi, giọt ngấn giọt dài, chảy xuống đầy cả miếng bánh của tôi đang ăn, rồi lại lồm tồm rơi vào trong chén nước trà của tôi đang uống. Tôi thấy mẹ tôi thỉnh thoảng trông tôi, rồi lại liếc mắt nhìn cô Mặc-Tôn đang đứng bên cạnh, rồi hoặc cúi trông xuống đất, hay ngoảnh trông đi chỗ khác.

(Còn nữa)

NHẤT THIÊN NHẤT GIA THOẠI

(MILLE ET UNE NUITS)

Chuyện vị Hung-Thần và người lái buôn (Tiếp theo)

Vợ con đứng đây thấy con động lòng thương như thế và trái cái lòng ước-vọng của nàng, thì nàng nói rằng: « Chàng làm gì thế ? chàng thật ngay con bò này làm lẽ đi ; anh làm trại không thể nào tìm được con bò tốt bằng nó cho xứng với việc lẽ cần này đâu. » Con cũng chiều lòng nàng lại đến gần con bò ấy ; và cố giằng lòng chực đâm một nhát nhưng lại thấy nó kêu rống và ứa nước mắt hơn thành ra con lại phải buông giao ra lần thứ hai nữa. Tội bèn đưa cái vồ vào tay người làm trại và bảo rằng : « này cầm lấy mà giết nó đi ; nó kêu, nó khóc đau lòng ta lắm ».

Tên làm trại không động lòng như con, liền giết ngay. Nhưng khi mở ra thì rất những sương là sương, thế mà trước trông bề ngoài thì thật kẻo, con lấy làm buồn rầu vô hạn..., liền bảo tên làm trại rằng : « Thôi anh đem về, tôi cho anh đây ; anh muốn đem cho ai thì cho, muốn biếu ai thì biếu ; anh xem có con bê con nào béo thì đem đến cho tôi một con thế vào ». Con cũng không hỏi chi đến con bò cái ấy nữa ; chỉ biết rằng trước mắt con nó đem đi ngay, rồi sau nó lại đem lại một con bê con béo lắm. Tuy con không biết là con trai con đội lốt, nhưng mới thoát trông thấy, con đã đau ruột lắm. Còn con bê đó, khi nó trông thấy con thì nó cố hết sức để tới ngay trước mặt con, đến nỗi rứt đứt cả thừng buộc. Đến trước mặt con, liền quỳ xuống, đầu gục rạp tận đất, hình như muốn gọi tấm lòng thương của con và hình như bảo con đừng nỡ giết nó, tuy không thể nói được mà như là cố mách rằng tôi là con trai ông đây, con lại lấy làm lạ hơn và cảm động hơn khi con bò cái khóc ban nãy, con tự thấy thương lắm mà ân cần đến nó lắm con liền bảo người làm trại « đem con bê con ấy về đi ; nên trông nom cẩn-thần cho nó, và đem con khác lại thay đây ».

Khi vợ con nghe thấy con nói thế lại kêu lên rằng : « nhà làm gì thế hở ? hãy tin lời tôi, đừng ăm thật con khác. Con trả lời rằng : nhà ơi ! tôi

không bao giờ thịt con này mà làm lẽ ; tôi muốn tha cho nó, xin đừng có cưỡng lời tôi » con ác-phụ cố không nghe, vì nó thù-ghét con con quá không thể chịu được con cứu được, bèn hết lời nài con phải thịt con bê con ấy, đến nỗi con cũng thuận, con chối con bê ấy lại và đã cầm lăm lăm con giao ở tay rồi.

Sỹ-chế Rã-Rật kể đến đây thấy trời đã sáng, liền ngắt câu chuyện lại. Nàng Di-nã-Rật nói rằng : « Chị ơi ! em được nghe câu chuyện lý-thú này, em phải chú ý thích lắm. Sỹ-chế Rã-Rật lại nói rằng : nếu Bệ-hạ cho chị sống ngày hôm nay nữa thì mai em sẽ xem, chị lại kể còn hay gấp mấy nữa ấy » Vua muốn biết xem con ông cụ già có con nai cái ấy sẽ ra sao, liền nói cho bà-hậu biết rằng : Ngai sẵn lòng tốt mai nghe nốt câu chuyện.

* *

ĐÊM THỨ NĂM VÀ MẤY ĐÊM SAU

Tâu Hoàng-Thượng, cái ông lão trước nhất giết con nai cái ấy kể chuyện cho vị hung-thần nghe, cả hai ông già kia và chú lái cùng được nghe một thể. Ông lão ấy kể rằng : « Con cầm dao trực đâm họng con con thì nó ngẩng nhìn con, nước mắt chứa chan thấm thương quá con không cầm lòng đau mà đâm tiết cho được. Con vút dao xuống mà bảo với vợ con rằng : con muốn thịt một con bê khác chứ không thịt con này. Vợ con lúy ấy hết nhời cảm rõ cho con có chuyện húng chẳng, nhưng con cứ nhất định thế. Sau con phải bảo nó rằng thôi để đến lễ sang năm sẽ giết con bê này, nói thế để cho nó yên gia. »

Đến sáng hôm sau tên coi trại cho con, xin nói riêng với con một việc. Nó bảo con rằng : « Tôi đến thưa với ông chuyện này, ước ao rằng ông sẽ lượng cho. Tôi có đưa con gái nó biết phép bùa thủy. Bữa qua ông không thịt con bê ấy, tôi giết về đến nhà, con gái tôi trông thấy thì cười rồi sau lại khóc. Tôi hỏi nó rằng làm sao đương thế

này lại thế nọ khác hẳn nhau đi được thế. Nó bảo tôi rằng : con bé mà cha giết về ấy chính là con gái ông chủ ta đấy, con thấy còn được sống nên con cười, và con khóc là con nhớ đến mẹ nó cũng phải hóa ra bò cái mà đã bị diết thịt hóm qua mắt. Vợ ông chủ ta ghen ghét hai mẹ con nó mà làm phép bắt biến hình ra bò làm vậy. Cứ nhờ con tôi nói với tôi như thế vậy, tôi xin mách lại để ông rõ ?

Ông lão kể đến đấy thì lại nói với vị Hung-thần ấy rằng : Tấu lạy Ngài, Ngài nghĩ đấy mà coi, con choáng loạng cả người, lập tức con cùng người coi trại đi ngay để đến nói chuyện với người con gái nó. Thoạt đến trại thì con đi thẳng ngay đến chuồng bò. Con hôn con con, tuy nó không nói được nhưng nó thừa ứng một cách khiến cho con đủ trắc rằng chính nó là con con thực. Ngay lúc ấy con gái người coi trại cũng đến. Con bảo ngay nó rằng : Cô em ơi, em có thể làm cho con ta lại hiện được nguyên hình không ? nó giả nhời con rằng : Thưa được. Con hứa với nó, nếu nó làm được thì bao nhiêu của cải con sẽ cho cả nó làm chủ. Nó mỉm cười mà bảo tôi rằng : Ông là ông chủ cha con nhà tôi, tôi cũng biết rằng tôi đội ơn ông lắm, nhưng tôi cũng phải nói trước để ông biết rằng : có được đủ hai điều như thế này thì tôi mới làm cho cậu ấy lại thành ra người được : một là ông phải thuận cho tôi lấy cậu ấy làm chồng ; hai là ông phải cho phép tôi phạt kẻ ác đã làm cho cậu ấy hóa ra bé.

Con giả nhời nó rằng : Điều thứ nhất thì tôi lấy làm vui lòng mà nhận lắm, tôi hứa rằng về phần của cải tôi để cho con tôi đã đành rồi, tôi lại còn cho riêng cô em nhiều của nữa. Rồi sau này cô lại sẽ biết là tôi đền ơn cho cô đến nhường nào. Còn điều thứ hai là đều can dự đến vợ tôi thì tôi cũng thuận ưng. Một người mà đã làm ác được đến thế thì đáng tội lắm, tôi để tùy cô xử thế nào thì xử, nhưng tôi chỉ xin một điều là đừng có giết chết thôi.

Con bé ấy bảo con rằng : Thế thì nó làm con ông thế nào nay tôi lại bắt nó như thế.

Con đáp rằng con cũng thuận, nhưng trước hết hãy làm cho con con hoàn hình đã.

Con bé ấy đi lấy một chậu nước lã đầy rồi đọc lầm nhảm những câu gì con nghe không rõ, sau chỉ thấy nó hướng vào con bé mà nói to lên rằng :

« Bé ôi ! nếu có phải đấng Táo-Hóa chi tôn đã sinh ra my như thế này thì my cứ làm bé mà nếu có phải my vốn là người, bị phép thuật mà hóa ra thế này, thì theo luật lệnh của đấng Táo-Hóa my phải hiện hình người. » Nó đọc xong thì cầm chậu nước hắt tuột cả vào con bé ấy, tức thì hiện ngay ra người.

Con ôm lấy con con hôn vô kể kỷ hạn, vừa hôn vừa nói rằng : « Con con ơi ! thực là giỏi sai cô bé này xuống để gỡ thoát nạn cho con và để báo thù cho mẹ con con. Cha trả rằng con sẽ biết ơn người con gái này mà lấy làm vợ, và chẳng cha cũng đã đính ước như vậy rồi. »

Thằng con con lấy làm bằng lòng lắm. Nhưng trước khi cưới hai chúng nó, thì con bé ấy làm phép cho vợ con hóa ra con nai cái này. Con ưng cho nó hóa ra thế hơn là hóa ra giống khác, hình thù xấu xí, ở trong nhà mấy nhau thì khó coi quái

Ít lâu thì con con hóa vợ rồi sinh ra nay đi đây, mai đi đó. Đã mấy năm nay không có tin tức gì nên còn cũng đi ngao du tìm kiếm họa may có biết tin chẳng. Con không muốn giao cho ai ở nhà trông nom vợ, nên đi đâu con cũng giắt nó đi theo.

Tấu Ngài câu truyện của con và con nai cái này là thế. Ngài xem có phải là thực lạ thực hay không?

Vị Hung-thần nói rằng : ta cũng ý hợp, vậy thì vì chuyện này ta cũng vì nhà người mà giảm tội cho tên lái buôn nhất đẳng.

Đến đấy bà-phi lại tâu vua rằng : Khi ông già thứ nhất vừa kể hết chuyện, thì ông già thứ nhì mà giắt hai con chó mực lại tâu với vị thần ấy rằng : Con xin kể Ngài nghe câu chuyện của con và hai con chó này mà con giám trắc rằng chuyện con còn lạ hơn cái chuyện mà Ngài vừa mới nghe đó. Nhưng khi con kể chuyện rồi thì Ngài có giảm đẳng cho người lái buôn này nữa chẳng ?

Vị thần phán rằng : Có chứ ! nhưng chuyện của nhà người phải hơn chuyện vừa rồi mới được ».

Được vị thần hứa nhời thuận rồi, thì ông già ấy bắt đầu kể rằng :

Chuyện ông già thứ hai và hai con chó mực

Tấu lạy đức Thượng-đẳng, Người sẽ biết rõ rằng ba chúng con đây nguyên là ba anh em ; hai con chó này là anh mà con thì là em thứ ba.....
(Còn nữa)

CÁC HỘI BUÔN

Trong buổi các liệt-cường đương xô vai thích cánh trên thương-trường thế-giới, sóng cạnh-tranh tự Âu-Mỹ tràn sang nước ta, nhiều nhà trước vẫn ôm cái hi-vọng làm quan. nay đã quay cái hi-vọng ấy về đường buôn bán. Nhờ đó mà sự thương-mại trước kia ở trong tay khách-trú và tây đen. Nay phần nhiều về mình đã dần dần mở mang và thịnh-vượng. Song nước ta vốn là một nước nghèo, ít người đủ tài-lực để ganh đua trong chốn thương-trường. Cho nên sự lập các hội buôn rất phải cần thiết. Muốn được lợi nhiều, tất phải vốn to. Của một người, sức một người, phần nhiều không đủ buôn đến nơi, bán đến chốn được. Vì thế mà trong các nước trên thế-giới, những đại-thương-cục phần nhiều của thương-đoàn chung nhau bỏ vốn mà lập nên.

« Sự hợp thành công-ty là linh hồn của thương-mại ».

Giá thử ta muốn mở một nhà máy gạo. Vốn ít, lấy dân mà đủ mua vật-liệu, mua thóc gạo, giả công thợ thuyền, vân vân, mà ít ra cũng phải có 6.000p. Sức một mình không làm nổi, tất phải rủ anh em quen biết góp đủ tiền vốn cần dùng. Ta chia số tiền vốn ấy là 60 phần. Mỗi phần phải góp 100p.00. Mỗi người có thể mua một hoặc nhiều cổ phần.

Ta phải cam-đoan xin giả người có cổ-phần :

a) Tiền lãi nhất định, như 3, 4 hay 5 % ;

b) Một phần lãi trong số lãi buôn được, chia theo số cổ phần của hội-viên, nghĩa là có bao nhiêu cổ phần thì được bấy nhiêu phần lãi.

Nhưng nếu các người có cổ-phần được ăn lãi thì khi lỗ cũng phải chịu. Chẳng may nhà máy gạo ấy thua thiệt thì các người chung phần phải chịu lỗ hoặc cả, hoặc ít nhiều, vào tiền vốn của mình. Vậy trước khi trung phần buôn bán phải dò la xem sét cho cẩn thận chắc chắn, khỏi sau có điều hối-hận.

Hội buôn chung-phần thường gọi là Công-Ty vô-danh (société anonyme) hay là Công-ty có cổ phần để ăn lãi (société en commandite par actions).

Cứ định-kỳ, các hội-viên được lĩnh tiền lãi các cổ-phần của mình và được nhận phần lãi của hội đã làm cho sinh sản ra. Công-ty càng chia được

nhiều lãi bao nhiêu cho các hội-viên, thì công-ty càng thịnh vượng bấy nhiêu.

Công-ty đã được phát-đạt mà còn muốn khuếch-chương nữa, cần phải thêm vốn. Giá thử hội cần 4.800\$00 vốn nữa, chia làm 80 phần, mỗi phần là 60\$00. Ai cho hội vay 60\$00, hội sẽ giao một cái biên-nhận gọi là giấy cho vay lấy lãi. Ta chớ tưởng nhầm phần cho vay lấy lãi (obligation) giống như cổ-phần (action). Hai cái khác nhau như sau này

A — Phần cho vay lấy lãi

1.) Chỉ được lãi nhất định, chứ không được chia lãi của hội ;

2.) Lỗ phải chịu.

B — Cổ-phần

1.) Được lãi của tiền vốn bỏ ra và được chia lãi của hội ;

2.) Lỗ phải chịu.

Nếu chẳng may hiệu buôn bị thua lỗ, thì phải giả các phần cho vay trước, còn lại bao nhiêu sẽ chia cho các cổ-phần.

Như vậy thì cổ-phần được lãi nhiều hơn tiền cho vay, song không được chắc chắn.

Những phần cho vay lấy lãi cứ đến định-kỳ ; sẽ hoàn lại. Tám mươi phần cho vay biên số từ 1 đến 80. Mỗi năm, tùy theo số tiền còn thừa của hiệu, hiệu sẽ gắp thăm lấy những số nào hiệu chuộc lại. Thí dụ trong một kỳ có mười số chuộc lại. Hai hay ba số nhất được trả lại cao hơn giá lúc mua, như 100,200 hay 300\$00, vân vân, và bảy số kia sẽ hoàn lại nguyên giá lúc vay.

Ngoài những hiệu vô-danh, còn hiệu đứng nhiều tên.

Ông Sự, ông Giao, ông Mẫn và ông Giác, chung vốn lập một hiệu buôn lãi cùng ăn, lỗ cùng chịu. Tên hiệu sẽ lấy tên bốn ông ghép lại mà đặt ; hoặc đứng hai, ba tên theo sau có chữ « và công ty » hoặc một người đứng tên cùng chữ « và công-ty » ở sau. Cách sau này thường hay dùng nhất. Hiệu mới lập này thí dụ gọi là « Sự và công-ty » ; nhưng bao giờ những người có cổ-phần cũng đều là đồng-tâm đồng-lực với nhau cả,

Tiền lãi của hiệu buôn được, sẽ chia theo số cổ-phần. Thí dụ :

Ông Sự xuất ra	300\$00	vốn
Ông Giao xuất ra	400.00	vốn
Ông Mẫn xuất ra	500.00	vốn
Ông Giác xuất ra	800.00	vốn
Hợp cộng là :	2000\$00	

Buôn được lãi 600\$00. Mỗi đồng bạc vốn được
lãi : $600\$ = 0,3$
2000

Phần lãi của ông Sự : $0,30 \times 300 = 90\$00$
— Giao : $0,30 \times 400 = 120.00$
— Mẫn : $0,30 \times 500 = 150.00$
— Giác : $0,30 \times 800 = 240.00$
Tổng cộng... 600\$00lãi

Chẳng may hiệu lỗ vốn thì số thua thiệt ấy cũng theo số cổ-phần nhiều ít mà chia. Chia lỗ cũng như chia lãi vậy.

Hội của công-thương đồng-nghiep.— Hội này là của mấy người làm công hoặc thợ thuyền lập ra để buôn bán lấy lãi thêm vào tiền công của mình.

Trong nhiều nơi, công thợ thuyền không đủ chi dụng và đồ ăn thức mặc đắt quá, thợ thuyền phải chịu nhiều nỗi khó khăn. Vì vậy lập nên hội này, anh em đồng-nghiep giúp đỡ lẫn nhau, mới khỏi nhiều nỗi khổn khó.

Có ba thứ hội :

1.) *Hội bán các đồ thực-vật.* — Nhiều người họp lại thành đoàn-thể, chung phần buôn các thực-phẩm bán lại cho nhau. Nhờ thế, đồ ăn thức dùng không phải qua tay nhiều kẻ buôn đi bán lại, mà được giá rẻ.

2.) *Hội sinh lợi.* — Thợ thuyền chung nhau nhận khoán, cùng làm, cùng nhau hưởng lợi.

3.) *Hội cho vay.* — Mục đích cho các thợ-thuyền các thầu-khoán, khỏi phải rặt tằm của người khác, vừa nặng lãi, vừa nhiều sự ngăn trở.

Mong rằng các hội trên này, trong nước ta, ngày một thiết lập thêm ra, thì chẳng bao lâu thương-nghiep sẽ khuyếch-chương và có cơ hưng-vượng, mà nông và công cũng nhờ đó, ngày một phát-đạt.

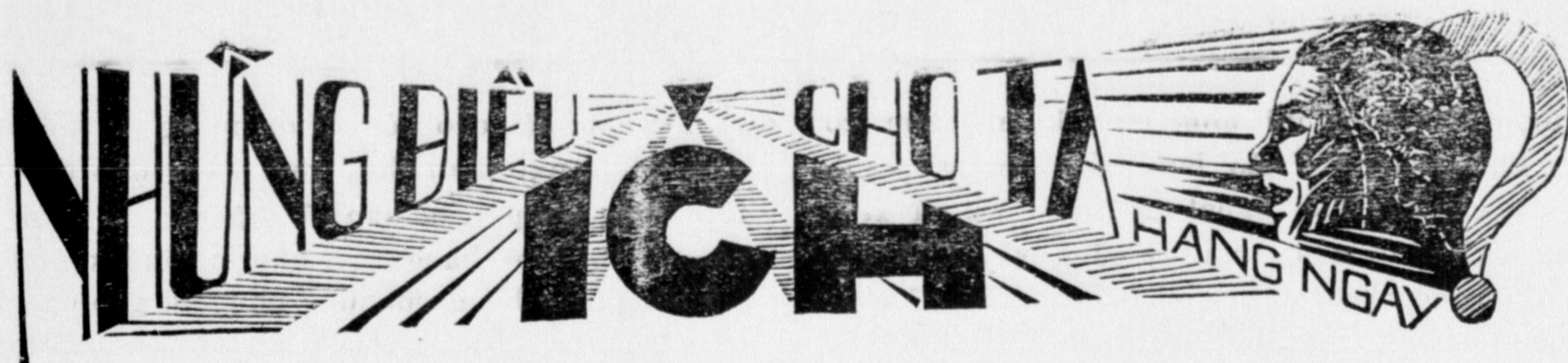
Vậy anh em ta, ai là người đồng-trí, nên chú-ý lập nhiều hội thương cho có cơ-sở vững vàng.

TRINH-NHƯ-TẤU

Quảng-cáo của tờ Thương-Báo

Ngâm cơ tiến-hóa ngày nay ;
Càng văn-minh lại càng ngày mở mang ;
Càng mở rộng con đường buôn bán,
Sóng cạnh-tranh lại láng gần xa,
Xa từ Âu, Mỹ sang ta,
Khua người trong giấc, đây mà ganh đua :
Ganh hàng hóa kém thua nhiều nỗi,
Ganh bạc tiền được nổi hay sao ?
Trông người, ta lại ngấm vào,
Trăm khôn nghìn khéo biết bao hơn mình.
Ganh chẳng được thôi đành học vậy,
Cách rao hàng học lấy đầu tiên ;
Sở chi, để sẵn món tiền,
Đưa nhờ các báo đăng lên hàng ngày :
Báo, cổ-động nơi này nơi khác,
Khắp thị-thành, đến các hương-thôn ;
Hàng bán lẻ, giá mua buôn,
Vừa hời, vừa tốt, tiếng đồn gần xa,
Cửa hàng mời người ta nô-nức,
Thử mua xem các thức một lần ;
Một người mua, lợi một phần,
Muôn người góp lại, muôn phần lợi to ;
Đã được tiếng, hàng to đông khách,
Rồi người kia, lại mách người này ;
Quanh năm bán đắt, buôn may,
Chỉ nhờ không cánh mà bay mấy nhời ;
Mỗi lợi đó lâu giải hưởng mãi,
Để còn ai ganh lại được sao,
Bỏ ra rồi lại thu vào,
Tiền đăng quảng-cáo khi nào mất đâu :
Nay « Thương-Báo » ban đầu mới mở,
Báo rao hàng khắp cả mọi nơi,
Mỗi kỳ biểu mấy nghìn người,
Biểu không người cũng xem chơi mất gì ;
Cứ thường lệ bốn kỳ một tháng,
Tháng ít ra hai vạn người xem ;
Báo ngày phát đạt ra thêm,
Số người xem cũng tăng lên bội phần.
Nhà thực-nghiep nên cần cáo-bạch,
Cáo-bạch cần quý-khách xem đông,
Đồng nào hơn báo xem không,
Rao hàng hãn cũng có công hiệu nhiều,
Tiện xin có mấy điều bày tỏ,
Bà con ta chiếu-cổ nhau cùng.
Hở môi then chút hơi đồng,
Lợi riêng nhưng cũng lợi chung đó mà.

Thương-Báo Chủ-nhiệm Đoàn-như-Khuê
124 Rue du Coton, Tél. 766—Hanoi



GIỒNG CÀ-PHÊ (CAFÉ)

(Tiếp theo bài đăng trong Tạp Chí số 12)

Nên nhớ rằng cây cà-phê nào giáng yếu ớt, cành mọc không được tốt thì nên nhổ ngay đi đừng tiếc để làm gì nữa. Một vườn mà giồng nhiều cây sấu thì về sau sinh ra lẫn nãi phiền mà hoa lợi không được mấy. Nếu sợ phí không tĩa trước ngay đi rồi sau một lần chả tốn bốn lần không xong la thế.

Trong bài trước đã nói : khi giồng thì phải để đất cái (hoặc đất thịt) riêng, đất màu (đất thếp mai trên cùng) riêng ; khi đã đặt cây xuống hố để cho ngay ngắn rồi thì hãy vun đất màu xuống cho đủ che rễ, rồi bỏ phân trãi (phân trâu bò) cho đều chừng độ 6 cân tây phân thì vừa, xong rồi cả chung quanh, lấp một lớp đất lên cho kín, nhưng phải để cho hở cổ cây ra. Lèn cho hơi chẵn chặt thôi chứ đừng chặt quá. Đất vun vòng vòng lên để chứa hao cho đất lún xuống thì vừa. Làm như thế là để cho đất dũ được âm ẩm, mà chất màu dần dần ngấm xuống cây mới được tốt.

Cây mới ra ngôi như thế tất phải ít lâu mới lại được. Không nên để cho nắng nhiều quá phải lấy vài tàu lá cọ hoặc vài cành cây cắm che chung quanh cho từng cây.

Còn có cách giồng khác nữa là theo cách người làm vườn bên Tây : định giồng cà-phê chỗ nào, trón lúc đất khô ráo, đào những hố sẵn độ mấy tháng trước lật đất lên trên, để ải sau nửa tháng thì lại gạt xuống. Khi gạt thì nhớ gạt đất màu xuống trước, đất thịt xuống sau những hố ấy chỉ đào sâu độ bốn năm mươi phân tây và khoát cũng độ ngần ấy hay là hơn một ít thì càng hay. Làm cách này thì lúc giồng cà-phê vào chỉ phải moi ở dũra hố một lỗ to hơn bầu cây một ít để tiện giồng và bỏ phân như cách đã nói ở trên kia.

Cách này là cách thông dụng trong nghề làm vườn ; bất cứ là giồng cà-phê hay giồng thứ cây gì cũng thế cả.

Cứ trung bình thì mỗi mẫu giồng được hơn hai trăm cây.

Cách chăm bón. — Phàm giồng cây gì cũng vậy, không chăm bón thì chỉ tốt được lúc đầu thôi vì đất hãy còn màu. Sau màu hết dần tất cây cũng còi mau mà hoa lợi chóng sụt xuống.

Cà phê là một thứ phàm ăn màu. Cứ theo các nhà điền chủ thì hai năm bón một lần mỗi lần độ 23 cân phân trãi để ngẫu. Nhưng nếu cứ năm nào bón năm ấy, thì mỗi lần chỉ bón độ mười hai, mười ba cân. Như thế thì năm nào cà-phê cũng được bón thì lại càng hay.

Nên giồng xen vào các hàng cà-phê, những cây như dâu-muối, chàm, lạc, thì vừa ít phải làm cỏ mà sau này lại dùng được những cây ấy làm đồ bón thì được lợi lắm. Dùng nó làm đồ bón thì khi những cây ra hoa, ta cắt lấy để thành đồng cho ngẫu ra rồi rắc vào các gốc cây cà-phê. Lá cà-phê và tất cả mọi thứ lá rụng cũng quét nhặt lấy để sau khi mùa hái quả rồi thì đem vùi nong nong vào các gốc cà-phê, cũng thành ra một thứ đồ bón tốt. Phải nhớ rằng cây đương ra hoa thì không nên đào đụng đến gốc cây mà nó chột.

Cách rón cỏ. — Vườn cà-phê mà không giồng các thứ cây như đã nói ở trên để làm « phân xanh » thì cần phải trông nom sạch sẽ.

Như các nhà tư-bản to sẵn người ăn người làm, mỗi năm cho làm cỏ rất nhiều bận, có tháng đến hai lần ; còn thường ra thì mỗi năm bốn năm bận cũng đủ.

Có một điều nên chú ý là những cây giồng trên đồi mà chỗ có cỏ mọc lại tốt hơn chỗ sạch cỏ, thế là nghĩa gì ? Hoặc là chỗ không có cỏ ít màu chăng ? Hoặc là tại chỗ có cỏ thì đủ được màu đất, mưa không chôi đi mất, nước mang màu dần dần xuống ngấm được vào rễ cây. Có lẽ điều thứ hai

ấy đúng. Như vậy thì mùa mưa không làm cỏ cũng không sao. Chỉ nên làm cỏ ở chung quanh gốc cây cho cây khỏi nghẹt mà thôi. Và cứ xem trong sách canh nông thái-tây cũng vậy. Chỗ đất nào không có cỏ thì mưa chồi mất cả màu, và màu có ngấm xuống nữa thì cũng mau quá, các cây cối chưa kịp hưởng thì đã hết mất.

Cà-phê không cần phải sên cắt gì vì người ta đã kinh nghiệm rằng mỗi khi sên cắt tức là cây phải yếu đi mất một giao. Sâu bọ lại thừa lúc ấy mà phá hại, nhất là thứ giống sâu riêng của cà-phê (borer). Chỉ cắt những cành chết cành mục là lẽ cố nhiên rồi. Tuy gọi là không đốn nhưng cũng phải cầm ngọn nghĩa là ngắt ngọn đi để cho đâm cành và cho các cành ấy nảy mạnh thì mới được nhiều quả. Cách ấy lại tiện lợi lắm vì cây thấp đi thì lúc hái quả mất ít công và đỡ hại trong cơn gió táp. Thường thì cây cao đến thước ba, hoặc thước rưỡi thì phải cầm ngọn để cho cây chỉ cao độ tất cả vào hai thước hay là già hai thước thôi. Khi cầm ngọn được ít lâu thì ngay dưới chỗ cầm ấy mọc ra mấy cành vòng lên. Có người thì triết ngay đi, cũng có người để lại một hai cành mạnh nhất cho mọc cao lên rồi lại cầm ngọn những cành ấy một lượt nữa.

Người ta hay giồng cây to để chắn gió và che nắng cho vườn cà-phê để cho cà-phê khỏi bị nóng lạnh thất thường. Những cách ấy thì chỉ nơi nào thời tiết có thể lạnh lắm hãy nên dùng vì là phí mất nhiều đất mà cũng tốn công lắm. Ở Bắc kỳ cũng có nhiều đồn-diền thường giồng xoan giồng trâu làm cây che vườn. Nhưng xét ra thì không giống như thế cũng chẳng thấy hại gì.

Duy cà-phê mà bị hại nhất thì chỉ có sâu « borer » mà thôi. Phải xem xét luôn, hề thấy dóm có cây nào có sâu ấy thì lập tức triết ngay và đem đốt đi cho tiết chuồng men. Cà-phê cũng còn có một thứ hại nữa là một thứ mốc gay nên bệnh được, nhưng nghiệm ra thì hề cà-phê được bón tốt, được mập mập khỏe mạnh thì ít bị bệnh ấy.

Cách làm cà phê. — Tùy theo từng giống, bắt đầu năm thứ ba hay năm thứ tư là đã được ăn quả. Nhưng thực ra thì từ năm thứ sáu thứ bảy giờ đi mới đầy sức, ra quả mới đều. Con mùa hái thì cũng có thứ cà-phê được hái vào khoảng cuối năm tây sang đầu năm ta mà cũng có thứ tui vào đầu năm đã đến vụ hái.

Phải đợi quả chín thực đỏ mới hái về. Đổ đồng chừng độ một ngày một đêm để tự nó ủ mà nhùn

ra, rồi đem đập cho bột cùi đi, mang ra sàng phơi như phơi ngô phơi thóc vậy, cũng dàn ra từng lớp mỏng mỏng. Khi nào rõ khô rồi thì đem giã có máy thì làm bằng máy, nhược bằng không thì giã bằng chày bằng cối cũng như giã gạo cho hết những cái màng trắng bám ở các hạt đi. Giã xong cho vào hòm quạt mà quạt.

Cứ tính trung bình ra, mỗi cây được non một cân tây hạt làm rồi. Các đồn-diền tây tải về bán buôn tại Havre (bên Pháp), tùy từng hạng, từ bảy tám chín hào một cân. Còn bán lẻ bên này, nếu là nhất hạng thì được đến đồng ba đồng rưỡi 1 cân.

Cà phê hiện nay nay thông dụng lắm. Các nước Âu-Mỹ uống rất nhiều, cũng như ta dùng nước chè. Trắc bên ta rồi cũng có một ngày kia dùng cà-phê như dùng nước với vậy.

Vì lẽ gì mà gấm đoan như thế? Liệu có thực chẳng? Có lẽ thực lắm. Ta cứ nghiệm ra thì biết: những người ở về nhiệt đới như Đông-Pháp ta, như Tây đen thì cần ăn hay ăn nóng. Theo y-học ở ngoài nóng tất trong người lạnh, nên cần phải ăn những vị bốc hỏa, nếu không thì bay sinh ra bệnh đau vặt hay là đi lỵ. Vậy thì cà-phê là một thứ bốc hỏa mạnh, uống một chén nước cà-phê đặc có thể tỉnh táo tinh thần lên được. Vì lẽ ấy là sau này, khi nào có nhiều thì ta sẽ quen dùng ắt là ưa lắm.

Ta đừng tưởng rằng cà-phê là một giống mới đem vào xứ ta đâu. Ở trong Trung kỳ, nhất là về vùng Quảng-trị có đã lâu lắm. Người ta vẫn truyền khẩu rằng cà-phê ấy là các đứng sang giảng đạo người Hoa-Lan và người Y-pua-Nho mang sang từ ngày xưa. Hiện nay người ta vẫn gọi cà-phê rừng vì nó tự mọc ra ở trong rừng. Cũng có người lấy về giồng làm hàng rào như ngoài này ta giồng hàng rào sâm-but vậy. Những người nhà quê ở đây cũng có làm đem bán ở chợ, nhưng hạt nó bé mà uống thì hơi đắng. Có lẽ là vì cần không ai vun sỏi gì mà hóa ra thế.

Còn như các giống cà-phê mới đem vào thì phần nhiều hay bị bệnh và bị sâu borer. Fướng lựa chọn được hạt giống cà-phê của ta sẵn có mà mang giồng thì có lẽ tốt lắm vì nó đã hợp thủy thổ xứ mình bao nhiêu đời nay rồi, chỉ có việc phải gây cho tốt hơn lên nữa thôi. Hoặc giả đem cà-phê mới tiếp vào cà-phê rừng ta ấy tương mà lại càng hay.

Việc đó xin phần các nhà chuyên môn thí nghiệm.

Nói tóm lại thì việc giồng cà-phê là một mối lợi rất to ta không nên bỏ qua.

Tiếp theo bài ông V. D. M.

Phòng ngự sét đánh

Trong năm nay mới rồi ở Hà-nam (Phủ-lý) có mấy người, nhân mưa to gió nhớn, ẩn dưới cây, uể bị sét đánh chết cả. Vậy nhân việc này xin nhắc đề các bạn độc-giả tránh khỏi nạn lôi đả.

Ta nên nghiệm rằng về miền thôn quê thường hay xảy những tai nạn thảm ấy hơn là ở nơi thị-thành.

Các lầu cao và các nhà ở có thu-lôi-tiên để giữ gìn cho khỏi sét đánh. Nhưng nếu một cái nhà to nhớn rộng rãi quá mà chỉ đặt một thu-lôi thôi thì cũng không trắc.

Thu-lôi-tiên cũng có mấy thứ. Thứ tốt nhất gọi là « la cage de Faraday ». Thứ này là một bộ mấy ngọn thu-lôi đặt cách nhau từng khoảng có sắt liên sang nhau và mỗi thu lôi có một tùm bốn năm cái sắt, ngọn lại có giây sắt truyền xuống đất cả (xem chanh vẽ dưới này). Còn như người mà muốn phòng thân thì phải làm thế này :

Ngộ gặp rông tố ở dữa đường thì chớ nên :

1.) Ẩn núp vào trong quán hoặc lều túp ở đồng không mông quạnh, mà nhất là ở quán ấy hay những lều túp ấy ở trên gò trên đồng lạnh riêng ra thì lại càng không nên lắm nữa.

2.) Trên đỉnh đồi trọc cũng không nên đứng ;

3.) Nếu đương ở ngoài đồng là nơi rất nguy hiểm, thì nên tìm chỗ nào hoắm vào mà khô ráo không có nước, nằm ra trong hầm ấy được thì càng hay, Sét không lẽ len lõi vào trong chỗ hóc hẻm ấy mà đánh vào. Hoặc ẩn dưới hố khô cũng tốt.

4.) Khi mưa gió thì đừng đứng gần bờ rào sắt, cột sắt, phiến sắt không có thu lôi-tiên ở trên



Vì sắt hay bắt điện lắm.

5.) Các cây cối to lãnh một mình sét hay đánh lắm. Các độc-giả ai cũng đã thấy, cũng đã biết cả.

6.) Núp dưới bờ bụi, núp trong rừng rậm thì được, vì những nơi cây rậm không nguy hiểm bằng một cây to đứng một mình, mà nhất là ở nơi cao. Nếu đỉnh đồi mà có cây rậm cũng không ẩn được.

7.) Chỗ ẩn trắc nhất là hang đá, hầm núi, eo đá ngoài bờ biển ;

8.) Ở trong nhà thì cũng nên trợn chỗ khô ráo,

TỬ TƯỚNG

Trước khi chê-bai ai, sờ tay lên gáy, tự vẫn lương-tâm, xét xem chính mình, trong đối với gia-đình có then với hai chữ **hiếu thuận** không ? ngoài đối với xã-hội có then với hai chữ **tín-nghĩa** không ? Nếu ai cũng biết xét mình như thế, thời ở trên đời cũng bớt được nhiều kẻ nói càn...

Hoặc có kẻ học-thức còn kém ta, tư-cách cũng thua ta vì lòng ghen ghét muốn nói xấu ta, nhưng ngặt vì ta lại không có điều gì xấu cho hắn nói ; khiến cho kẻ kia cực chẳng đã phải đứng trong số tối, nấp đằng sau lưng ta, phun lời cạnh khoe, giở giọng hăm-hồ, bài-bác ta những sự không đầu. Nếu ta lại đem những sự xấu có thực của kẻ ấy kể ra để đáp lại những lời hàng rau hàng cá kia, chẳng hóa ra ta cũng ngang với kẻ ấy dư !!

Cây trúc thẳng băng, cây thông rườm rà, dù ai nói ngả nói nghiêng, cũng chẳng phi tiếng là cây quân tử.

Hoa lan ai bảo không thơm, tất là người hoặc hư khiếu-giác, hoặc mất trí khôn.

Nước suối chong, ném bùn vào, bùn vẫn lên chốc lát rồi nước chong vẫn hoàn chong.

Kẻ tiểu-nhân đặt điều vu khống cho người quân-tử, tưởng rằng có thể hại đến giá-trị người ta, nhưng trái lại, lại càng làm lộ cái hay của người ta ra. Giá trị người quân-tử vì thế lại càng cao vời vợi.....

Cho nên người quân-tử không vì thế mà tranh lòng, chỉ thương kẻ tiểu-nhân là giống vô tri mà thôi.

Hoa lan lẫn trong đám cỏ, vẫn nức mùi thơm. Hữu xạ tự nhiên hương.

Cái đánh trong túi, dù dấu diếm cũng có ngày thủng túi thò ra, sự hèn hạ thường hay khó dấu.

Người quân-tử làm điều hay không cần nói ra mà ai cũng biết. Kẻ tiểu-nhân làm điều dở, dù dở trò « Mẹ hát con khen hay » khua chuông gõ mõ để sai lầm dư-luận, nhưng chỉ lừa được bọn phàm-phu, không che được mắt người tri-thức.

Than ôi ! Cái hay, cái dở ! Người quân-tử, kẻ tiểu-nhân, khác nhau một vực một trời. Ngọc, đá, vàng, thau, sao mà lẫn được ! H.T. HIẾU

xa những chỗ có kim khí như la ống khói, lò sưởi gang sắt, vắn vắn... Ở trong nhà to thì trắc chần hơn nhà nhỏ ; mà một cái nhà vừa vừa, dầu không có thu-lôi cũng còn hơn là ở ngoài.

9.) Nói tóm lại khi mưa gió không nên ra ngoài.



Đàn-bà Việt-Nam phải chăng là can-đảm hiền-thực nhất trong nữ-lưu Thế-giới

Con gái nước Việt-nam ở thế kỷ thứ 20 này bị tàn trào Âu-Mỹ xô đẩy, dầu không chịu ép một bề, nhưng cũng chưa khỏi phải mang cái tiếng là liên-em trong thế giới. Thôi thì **việc qua rồi nói đã chẳng siết, điều sau này đã biết phải theo**, học xưa đã làm đường, bây giờ đành sửa lại, nào biết trách ai.

Những con gái nước Việt Nam, có phải là ngày nay vì số phận con gái lận đận mà cũng phải chịu bề hăm hiu không?

Hàng ngày chỉ thấy báo này khen liên-bà Nhật-Bản có đức hiền, báo kia khen liên-bà Hoa-Kỳ có tri mao hiểm, liên-bà Âu-Châu có tài văn-chương, mà chẳng đoái hoài đến cái hạng người thất đấng ông không may sinh trưởng ở đất nước mà ông giới đã đeo cái hạt giống chậm nầy nở hơn người.

Tôi còn nhớ một hôm tôi đọc một câu của một ông văn-sĩ sang du-lịch bên Nhật về viết sách có nói rằng :

Buồng ngủ người Pháp, bếp Trung-Hoa, liên-bà Nhật-Bản để tỏ lòng khen và ước ao cái cô con gái búi tóc sị xuống gáy, quần siem ngang người, đi guốc đan quai chéo, cầm dù giấy sơn, mà tôi tự mình phải hỏi rằng không biết cái cô con gái mà cả thế giới khen ngợi ấy có bao giờ phải cái cảnh :

« *Thằng chồng em nó chả ra gì,
Tổ tôm sóc đĩa nó thì chơi hoang.* »

Mà còn biết : **Nói ra sấu thiếp hồ chàng**

Sợ rằng : **Nó giận nó phá toang hoang cửa nhà.**

Rồi ngậm ngùi sẽ lộ can tràng : **Với chị em nhà**

Còn 5, 3 bát gạo với một và lạng bóng

Cũng bầm lòng : **Mà em bán đi giả nợ cho chồng.**

Thôi thì : « **Còn ăn hết nhịn được lòng chồng con.** »

Ôi ! biết bao nhiêu cực nhục mà cũng liều :

Em đắng cay ngậm quả bồ hòn. »
thì đáng thương biết bao, đáng trọng biết bao.

Thế mà nào có được thương, được trọng, chỉ gặp những ông chồng phụ bạc, lúc khờ-sở có nhau khi sỏi lỏi đã ruồng-rẫy, chẳng nhớ rằng :

« *Khi xưa anh bưng, anh beo,
Tôi đi lấy thuốc lại đèo mùi chanh.* »

Mà nữ : « *Đến bây giờ anh đẹp anh lành,*

« *Anh sắp lấy vợ bé, anh tình phụ mẹ con tôi.* »

Ôi ! cái cảnh chồng chung có nhẽ con gái nước ngoài chưa bao giờ biết cái nông-ngi « *có bắt xứ tình phụ bát đàn* », đến cả tấm chồng, cũng rầu lòng san sẻ được ; nhưng đấy chẳng qua chỉ là cái khổ mất độc-quyền mà thôi, chứ còn cái khổ :

« *Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lòng ;*

Cùng là : « *Mười đêm chi dừ mười đêm cả,*

« *Chín tối em nằm chín tối không.* »

thì không còn gì là khó chịu hơn nữa.

Than ôi : **ăn cơm ngoài, nằm nhà ngoài**

Cái số phận : **Cổ ấm ăn sôi, sôi lại hầm,**

Cầm bằng làm mượn, mượn không công. »

ấy một phần tư chị em nước Việt ta phải cay đắng tự bao giờ mà đến bây giờ mấy hết !!!

Có nhẽ người ngoại-quốc thấy chị em ta thường lấy chồng chung, chắc nghĩ bụng rằng các cô con gái rằng đến kia không biết yêu chồng đấy nhỉ ? nhưng nào có biết đâu rằng cái ái tình trong lòng con gái nước Việt-Nam không phát lộ ra bề ngoài, ra câu nói, nhưng cứ êm đềm mà nên sâu, tưởng lạnh-lòng mà sốt-sắng, cho nên đá núi Kỳ-Lừa còn phảng phất hình nàng Tô-Thị.

Chàng ơi biên-ải dầu sương tuyết,

Thiếp ấm hài nhi giải gió mưa

Thăm thẳm phương trời mây nhận vắng.

*Đăm đăm đầu núi vợ con chờ
Phận trai đành nhẽ rừng gươm giáo
Hóa đá chàng ơi phận gái du !*

Một tấm lòng son còn cùng giới đất mà đứng
trơ-trơ.

Tưởng không nước nào có một câu truyện
cương thường hay bằng mà cảm động bằng, dầu
có kể cho là không thực, nhưng đây cũng là
tiêu biểu cái tinh thần, trình tiết của nữ lưu
một dân tộc ở Á-đông này, vì dầu là truyện đặt, cũng
phải là ở lòng người có cái mỹ cảm ấy, thì cái lòng
ấy cũng là sự thực rồi, cũng là đẹp dễ rồi ; mà
lại được ông giới đặt ở nước Nam một mảnh đá
có cái hình bao-hàm tinh-tú thể, há chẳng phải là
đã cảm đến cái tấm lòng của nữ-lưu Nam-việt ru ?

Nhớ chồng hóa đá, câu truyện ngàn thu, nhưng
còn có kể vì phải thay chồng mà không thành đã
được thì có nhẽ không phải một người mà là cái
phận của nhiều phụ nữ giúp chồng cho trọn phận
làm giai :

*Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Đề anh đi chầy nước non Cao-bằng.*

thì lúc bấy giờ phải giọt lụy chia tay, chúc chữ
thượng lộ bình-an, rồi về buồng cũ chiếu chăn,
hái dâu dặt cửi.

*Ngọt bùi thiệp đỡ hiếu-nam,
Luyện con đèn sách thiệp làm phụ-thần.*
thì còn có giống đàn-bà nào can-đảm bằng hay
không ?

Con gái Âu-Châu cười máy bay vượt biển, chẳng
qua chỉ là cái « chi mao hiểm » hồ dễ đã hơn gì
cái gan vừa chờ chồng vừa nuôi mẹ, vừa nuôi con.

Cả đến hạng xưa nay của các phòng khuê mà
đến lúc xa khơi nhớ bạn khâm-trù cũng liều dãi
dầu xương tuyết mà tìm đến để chia cay sẻ đắng
như người thiệp của cụ Nguyễn-công-Chữ khiến
cho cụ phải cảm động mà đọc rằng :

*Đang nhẽ bút nghiên mà kiếm mã,
Thương ôi ! kim chỉ cũng phong trần.*

Nhưng đây chưa phải là cái bồn phận riêng của
phụ nữ Việt-nam, cái phận riêng ấy là cái gia đình ;
thường thường trên mẹ chồng, dưới em nhỏ, con
thờ, thế mà :

Lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng

Bà Tú-Xương : *Quanh năm buôn bán ở trên sông
Nuôi đủ năm con với một chồng.*

đã đủ làm cái chứng cứ hiển nhiên về cái can đảm
phụ nữ được chưa.

Dầu phải khổ đến nỗi một mình phải lo liệu
nuôi đủ một nhà mà vẫn không buồn không nản
chí :

*Gọi vợ, vợ còn đi chạy gạo
Thưng đấu nhờ lưng một mẹ mầy*

thì đủ hiểu cái bồn phận vợ hiền đã mười phần đầy
đủ, mà biết đâu ông Tú Xương chẳng nhờ cái sự can-
đảm của bà Tú mà được :

*Cho hay công nợ ầu là thế
Mà vẫn phong lưu suốt cả đời*

Thậm chí ông cũng cảm cái lòng ấy mà phải tự
nhận rằng :

*Giai mà nhờ vợ, vợ mần nơ
cảm đến nỗi muốn lấy vợ lẽ mà không muốn lấy,
phải nhẫn tình-nhân rằng :*

*Yêu nhau chẳng lấy được nhau nào
mà giá lấy được nữa thì chẳng biết cái cô « Hai » của
ông Tú có chiều được ông không.*

*Sớm nem bữa tối đòi ăn chả
Nay kiệu ngày mai lại dờ cò
hay không ?*

Về vang thay là gái nuôi chồng.....

Bài này mục đích là nói cái can-cảm của các cô
con gái rằng đen mặc yếm, nhưng chỉ e lại có một
vài cô răng trắng đeo corset vội mà kêu rằng : Thế
nữ-lưu ta làm gì có bà Jeanne d'Arc, bà George
Sand, bà Stael.

Tôi xin giả nhời anh-hùng thì có bà Triệu-Âu, hai
bà Trưng-vương, văn-chương thì có bà Thị-Điễm,
bà huyện Thanh-Quan, cô Xuân-Hương là tác giả
câu :

*Thương nước đau lòng con quốc quốc,
Nhớ nhà mỏi miệng cái da da,*

và cô Xuân Hương đã từng để lại biết bao nhiêu
bài thơ chuyên tụng cũng còn phảng phất mà
không dễ tủi dễ thẹn cho non sông nước Việt này.

Ôi ! một cái dĩ vãng về vang như thế, ngày nay nào
ai là « tân-nhân-vật » nở duồng dấy mà theo cái tân
chào, đòi tự-do nữ-quyền cho được. Nói thêm buồn,
nào ai có tự-do mà giả, nào ai có quyền gì mà cho.

(Xem cuối trang sau)



Khi làm bố

Một người tây ở bên Ấn-Độ, có nuôi một con khi. Lúc sắp phải đi xa, đem đến gửi một người bạn, nhờ trông nom hộ. Hắn bảo bạn rằng :

« Con khi của tôi khôn lắm. Hiện tôi muốn dùng nó làm bố để nuôi bốn con chó con mới đẻ này. »

Bạn nhận nhời, hắn gửi đấy rồi đi.

Con khi khôn thực, săn sóc đến mấy con chó con luôn luôn, không để chạy chơi lêu lổng ; mà cả bốn con chó con cũng ngoan nữa, không hề cắn bậy nhau.

Người bạn thấy thế thích lắm, liền thưởng cho khi ta một nắm hạt giẻ.

Giờ khi ta mới khó nghĩ. Làm thế nào bây giờ. Ăn hạt giẻ thì phải dùng đến tay để bóc, hai tay đã bận rồi thì không giữ được cho mấy con chó con nằm yên một chỗ nữa. Mặc chúng nó muốn chạy đâu thì chạy chẳng ? Khi cũng biết bốn phận của khi chó ! Nhịn không ăn hạt giẻ chẳng ? Của ăn đến miệng, khi nhịn thế nào được ! Khi nhăn mặt, khi gãi tai, khi ngồi nghĩ một hồi lâu, sức tìm ra được một kế tuyệt diệu.

Khi ta bắt bốn con chó con, để nằm ở giữa nhà, bốn cái đầu chầu ra bốn phía, bốn cái đuôi chụm vào một chỗ với nhau. Song đầu đấy, khi

ta rón rén bước vào giữa, nhẹ nhẹ đặt dít lên bốn cái đuôi chó, thành thử không còn câu nào có thể chạy đằng nào được nữa.

Bấy giờ khi ta mới thủng thẳng bóc hạt giẻ ra ăn. Khi ăn, khi khoái chí, khi cười khi.

I. D. thuật

Giấy đốt thơm

Thứ giấy này ở bên Âu-châu thường có bán. Người ta dùng nó cũng như trầm hương của ta vậy, nghĩa là để đốt cho thơm nhà. Giấy này cháy chậm và lửa không có ngọn.

Nay muốn theo cách thức của họ mà chế một thứ giấy hợp với hương ở Á-Đông ta, thì trước hết ta phải lấy giấy tiêu-thạch (tức là diêm-tiêu, hỏa-tiêu, diêm trắng) hòa thật nhiều vào nước. Đoạn lấy giấy bản hay giấy thấm (giấy không có hồ) tẩm nước ấy, rồi vắt lên giấy phơi khô.

Khô rồi đem ngâm vào nước thơm

Sau hết lại phơi và cắt thành từng giải dài và hẹp độ 1 phân như cái « băng » đánh máy chữ vậy. Cắt xong quấn tròn lại.

Nước thơm tức là rượu 90 chữ, có ngâm các vị hương như sả, dầu thơm, an-tức-hương. Nên pha nhiều vị và cốt trộn thứ hương thanh và bền.

TRẦN-VĂN-HUY

Chiều chiều trông ra phố, mấy cô quần tóc đường ngôi bên, áo xanh quần trắng, vắt chân ngồi trên xe cao su hoặc trên ô tô, gió bay lướt tóc mai tha thướt, lại không trông thấy mấy chị quần nâu áo vải, kéo xe vôi, xe cát, lam lũ dưới đường mà nghĩ rằng :

Một thân gái kia có nhẽ nuôi một gia đình, dầu không cũng tự nuôi lấy cái thân yếu ớt chứ chả như mình, chỉ cố mua lấy tiếng tiểu-thư đâu.

Có một người Pháp phản nản rằng : con gái Việt nam chia ra hai giai cấp khác nhau xa quá :

Một hạng phong lưu thì chỉ tính dài các xa xỉ ?

Và một hạng làm ăn thì thật có đủ đức người liên-bà, câu nói ấy có khi oan cho bọn phong-lưu, có nhẽ cũng tại ông vội quan sát bề ngoài, chứ thực ra thì nhiều nhà gia thế, thật là vào hạng thượng lưu, thường lấy sự buồn bán làm tính hạnh, còn hạng

người ăn chơi thì chưa chắc đã hẳn là con nhà thế phiệt.

Cái luân-lý cổ ở gia đình Việt nam nghe như một ngày một đổ dần như bức tường nát, nhưng chỉ có cái gia đình nào cầu thả về giáo dục thì mới rơi tụt xuống mà thôi.

Còn như nữ lưu lao động thì thực là một bọn liên-bà đáng quý vô chừng, mà có nhẽ riêng bọn ấy còn dữ được cái hay của nền Việt-nam phụ nữ lâu nhất, vì sự phong lưu xa xỉ không thêm ngó đến, các cô yếm nâu, khăn vải. thì các cô ấy cũng còn làm ngơ được lâu bền.

Nhưng nói rút lại liên-bà Việt-nam vẫn là giống liên-bà có nhiều đức tính nhất và dầu sau này thời thế biến thiên, sự thay đổi cũng đến xứ này vào buổi cuối cùng, sau khi đã cảm dỗ được hết cả liên-bà nước khác.

Mme LY-NGUYỄN-BÁCH

CHAU TRUYEN PHIEO

Năm ngày ở Hà-nội (Tiếp theo và hết)

.... Cù-Lý đi xem hát về, tuy không phải bỏ tiền ra lấy vé, nhưng không được như ý, cũng tiếc tiền, và lại tiếc giấc ngủ nữa. Ở rạp ra, bác Cả Toe đưa cù lên hiệu phở hàng Đồng, hai bố con cạn một bát rượu con và soi hai bát phở áp-chảo. Cù Lý chén lấy làm thích miệng, khen mãi rằng họ làm ngon hơn các hàng phở rong (đã cố nhiên rồi!). «Châu phở» ngon làm cho cù tỉnh táo cả người, đỡ mệt về sự thức khuya, quên cả những nỗi khó chịu ở trong rạp hát.

Hai bố con khi về đến nhà vừa đúng mười hai giờ rưỡi đêm. Từ xưa đến giờ cù quen thói con nhà làm ăn, tối đến gà lên chuồng là đi ngủ, không mấy khi thức khuya đến thế, cho nên vì đã quá giấc, cù nằm cứ lũng củng mãi không ngủ được. Con giai cù thì ăn no chén say vừa đặt mình đã ngáy như còi ô-tô, mà cù thì mắt cứ chơ cứng ra, đặt mình nằm một lúc rồi lại giậy ăn thuốc. Sau mãi đến hai ba giờ sáng cù mới thiu thiu rồi kéo một mạch đến khi bạch nhật.

Cù ngỏ ý với bác Cả Toe muốn về quê sớm; bác Cả cứ muốn giữ cù ở chơi rằm ba hôm nữa để cù đi chơi cho khắp, vì còn nhiều nơi cù chưa đi xem như vườn Bôn-be, nhà Hát-tây, nhà Bô-đa, vân vân.

Nhưng cù không chịu ở, phần thì cù ra chơi bốn năm hôm giờ cù nhớ các cháu là thằng cù Cún, và cái dĩ Tũn, phần thì cù có chút ác cảm với Hà-nội...

Vậy sáng hôm ấy, các bạn con cù thành tâm làm một mâm rượu để tiễn cù lên đường. Sau khi chén say, cù nằm nghỉ một lúc cho già rượu, rồi sấm sửa từ già Hà-thành. Bác Cả Toe đưa tiễn chân cù ba đồng bạc lại kèm thêm mấy phong bánh khảo để về quê làm quà; cù mất cắp hào bao hôm nọ nay phải gói tiền cẩn thận bỏ túi, rồi xách ô và quạt, cùng hành-lý vật-vĩnh ra về. Bác Cả Toe bảo cù lên ô-tô đi chỉ một mạch đến tận ngã-tứ, nhưng cù nghĩ đến cái nạn lúc ra tỉnh mấy hôm trước còn run cả người, nên cù không bằng lòng

đi ô-tô, cù định đi xe điện vào Hà-đông, rồi cù đi xe tay về đến tận cổng làng. Đi thế tuy có chậm, nhưng mà chắc-chắn. Đi đâu mà vội! thì giờ của cù không phải là tiền bạc như thì giờ của các nhà kinh-doanh.

Cù theo chủ nghĩa « Thủ thân vi đại, dĩ nhân vi quý », nhanh hay chậm mấy tiếng đồng hồ chẳng làm gì, miễn là đi đến nơi về đến chốn...

Khi tiễn cù, Bác Cả Toe cùng các bạn làm, có nhắc cù khi nào cù rồi lại ra Hà-nội chơi, tuy ngoài miệng ừ ừ lấy lòng, nhưng kỳ thực cù không thích ra nữa. Ấy cũng bởi từ khi cù ra chơi gặp toàn những sự không may cả, trách nào cù chẳng ác cảm.

Nào khi đi ô-tô bị « nạn » ở giữa đường, tưởng đổ up xuống ruộng thì quy-tiên rồi...

Nào khi đến nơi gặp anh phu xe quay quắt một bước đường ăn của cù hào chỉ ngon không...

Nào khi đi xem đài Trần-vọng tướng-sĩ, bị anh gác vườn dãi hai chiếc bát-tai....

Nào khi chơi chợ Đồng-xuân bị « cánh soáy » xửa mắt hơn hai đồng bạc... Cù đau nhất về cái nạn mất cắp này (có lẽ đau hơn cái nạn bát tai. Chắc hẳn mỗi khi cù hút đến cái điều sừ cù mua trên chợ Đồng-xuân, cù lại nghĩ đến buổi đi chơi chợ, mà nhớ đến truyện mất cắp; tất lại giận quán gian-phi ở kẻ chợ.

Gởi sinh ra thế, miếng ngon nhớ lâu, cơ cầu nhớ giai, ai ai cũng vậy...

Không những các sự không may đó làm cho cù ác-cảm với Hà-thành. Cù lại còn chê người Hà-thành không được chân-thật, và hay học hách sẵn. Như anh phu-xe đánh lừa kéo giá đắt; như cậu « Tây-ta » mà cù râm phải giầy ở trên ô-tô; như anh gác vườn mới làm có cái chức ấy đã ra bộ ta đây kẻ giờ; như ông Phán Thán chỉ màu mẽ bề ngoài, làm ăn như thế nhà sang trọng như thế mà cơ bản không có một đồng, ruộng đất không có một tấc; như bà Phách Thán, vô ngh

ngiệp; chỉ biết sẵn lương chồng kiếm, ăn rồi lại ngồi nhàn cư tất sinh bất tiện, thế mà còn dài diêm, coi người bằng nửa con mắt; như phường hát bội, trong giấy quảng-cáo thì nói như rồng như phượng mà rút cục chỉ làm quấy làm quá cho chôi đồng tiền...

Mấy ngày ở Hà-nội, những lúc cụ được hải lòng là: lúc cụ ở trong hiệu thợ cạo với bác Cả Toe cụ thấy con làm ăn phát-tài cụ mừng; và lúc cụ truyện trò chè chén với các bạn đồng nghiệp của con cụ, cụ thấy các bác đó đối với cụ có lòng kính mến, có vẻ thật thà.

Kể thuật lại câu truyện « cụ lý năm ngày ở Hanoi » thiên nghĩ rằng:

« Cụ lý ác cảm với Hà-thành, không phải là không có lý, song chỉ tiếc rằng cụ ở chơi có năm ngày thôi, chưa được biết rõ hết những cái hay cùng cái dở của chốn kinh-đô. Nếu giới cho cụ trẻ lại mà cụ được thử nếm phong vị chốn phồn hoa trong năm ba năm, cụ sẽ biết mặt phải với mặt trái của Hà-thành, cụ càng biết thêm nhiều cái dở, mà cụ cũng biết thêm lắm cái hay; cụ sẽ càng ghét Hà-thành già, mà cụ lại không thể không yêu Hà-thành được.

Hà-nội dở?

Những cái dở xét ra nguồn gốc ở bốn vị hung-thần « tử, sát, yên, đồ »

Hà-nội có bao nhiêu cao-lâu, tửu-quán làm cho bọn nam nhi lắm kẻ say sưa tối ngày, be bét với ma men, tưởng chừng chỉ sống trên đời để ăn, không nghĩ gì đến việc đáng nghĩ về gia-đình xã hội!

Hà-nội có bao nhiêu thanh-lâu, hồng-lâu, làm cho bọn thanh niên say đắm vào tình dục, lăn lóc trong cuộc đua vui, mắc phải rồi lưu truyền những bệnh hoa liễu gớm ghê hại cho nòi giống.

Hà-nội bao nhiêu nhà « sấm » nhà chứa là những nơi lần khuất của bọn giai hư gái lẳng, của phường dâm phu gian phu giấu giếm cái ái tình sáu-sa như bản, làm bại hoại phong-hóa.

Hà-nội có bao nhiêu tiệm thuốc phiện làm cho anh hùng tráng kiện mãi-mệt vì ả phù-dung, cho đến nỗi tẩm thân sức-giải vai-rộng sau thành ra vô dụng cho nước cho nhà!

Hà-thành có bao nhiêu sông bạc « tổ quý » triệt nay mở mai, làm cho đàn ông cho chí đàn bà mãi-mệt trong cuộc đỏ đen sắc như vờ, sơ như rộng!

Bấy nhiêu cái « lỗ hà lỗ hổ » làm cho lắm kẻ kiếm chẳng đủ tiêu, túng rồi tính. Ăn cắp nhỏ như cánh

soáy ở chợ Đồng xuân nâng hào-bao của cụ lý. ăn cắp to như những quân trèo tường. khoét gạch vào nhỏ ra to, như những quân võ nọ gian, những quân thụt « két » chẳng ở đây mà ra còn ở đâu?

Những kẻ nhờ gió bẻ măng, nạt người lấy của chẳng ở đây mà ra còn ở đâu!

Cụ lý tôi mà biết những sự quái ác đó, chắc hẳn chết khiếp, dù thỉnh cũng không dám ở Hà-nội, cụ sẽ ghét Hà-nội đến đào đất đồ đi.

Đó là mặt trái còn mặt phải. Hà-nội lắm cái hay do nguồn gốc ở hai vị phúc thần « lao động » và « hòa bình ».

Hà-nội hay là vì:

Hà-nội có những trường giầy nghề, giầy chữ tùy theo trình độ quốc dân một ngày một mở mang cho có vẻ thực hành để đào tạo những người hữu dụng cho nước.

Hà-nội có những nhà nhật-báo, tạp-chí làm hướng-đạo cho dân đi lên con đường hay, đường phải, đường tiến bộ.

Hà-nội có những hiệu buôn bán to ngày một phát đạt ganh đua với người nước ngoài cho tiền ta lại lọt túi ta.

Hà-nội có những xưởng công nghệ lớn dùng được hàng nghìn thợ thuyền có công ăn việc làm.

Hà-nội có nhà phúc-đường, cứu mang những người già cả tàn-tật cho có cách sống khỏi phải ăn xin, có hội Bảo-anh nuôi nấng những kẻ bỏ cõi vô thừa nhận cho lúc lớn khỏi thành người bỏ đi.

Hà-nội có kho sách để nuôi sống cái tinh thần của dân nghìn năm văn vật.

Hà-nội có văn miếu để nhắc lại cho ta rằng về đời tổ tiên ta văn học cũng phồn thịnh.

Hà-nội có hồ Lăng-bạc có hồ Hoàn-kiếm là những nơi có sự tích vẻ vang về lịch sử.

Hà-nội có đền hai Bà Trưng có đền vua Lê Thái-Tổ, nghìn thu hương khói, ghi công đức những đấng anh hùng đã có công đổi chết làm sống cho giống Lạc nòi Hồng.....

Than ôi! Hà-nội hay đấy mà dở đấy!

Ai hay ở Hà-nội ngày một thêm hay, mà ai dở càng sinh đồn. Hà-nội đáng yêu hay đáng ghét? Ai yêu? Ai ghét? Xin hỏi bạn Tử-Dân.....

HỒ-TRỌNG-HIỆU

Kỳ sau sẽ đăng truyện

«CON NAM HỒ GƯƠM»

Thơ đồ

XXXXV

Trước học sau lại làm quan,
Chữ nhất chẳng biết còn bàn làm chi.
Là chữ gì? (chữ hán)

XXXXVI

Đua nhau tập bản thi tài,
Sao cho trăm phát chẳng ngoài hồng lâm.
Là chữ gì? (chữ hán)

Tiền-Đàm

Thơ giải

Giải đáp thơ đồ trong Tập-chí số 24

Câu XXXXI (cái chiếu)

Năm mây ban xuống chiếu giờ,
Ngoài êm trong ấm phủ loài dân manh.
Chiếc thân ngang dọc tung hoành,
Cuốn quanh giải khắp thị-thành thôn quê.

Tú-tài Hoàng-Son

Quê em ở Hời ba Đình,
Tên em là chiếu đủ vành nguyệt hoa.
Sang hèn đều phải dùng ta,
Sập vàng ghế khảm em đã ngồi trên.

Đào-Nương, Rue Mộc-Sàng — Hưng-Yên

Được chiếu vua ban đã phúc giầy,
Nguyên từ cói Hời dẹt ra đây.
Bàn hàn bao kẻ tìm mua chuộng.
Cuốn... sạch nhân tình bạc bẽo thay.

Ninh-Xuyên — Thanh-Tri

Câu XXXXII (cái phản)

Nào em phản trắc chi đâu,
Mà sao thiên-hạ khéo bầu cho tên.
Mặc ai ngang dọc đảo điên,
Song em vẫn đứng vững yên một đường.

Tú-tài Hoàng-Son

Thân em bằng bận nhất đời,
Đem lòng ngay ngắn giúp người ngôi cao.
Chung thành vì chúa siết bao,
Còn mang tiếng phản chánh sao bây giờ.

Đào-Nương, Rue Mộc-sàng — Hưng-yên

Thân nên tấm miếng đã đành,
Lại thêm lá chiếu trên mình dễ coi.
Đỉnh chung chưa dễ ăn ngồi,
Phản ai mà đồ cho nhời bắt chung.

Ninh-Xuyên Thanh-Tri

Chanh vẽ tuần lễ



— Ngài ra dân-biểu khóa này trặc là làm được nhiều điều ích quốc lợi dân lắm đấy nhỉ?

— Vâng, tôi xin hết sức mà lo các công việc nặng nề ấy cho xứng đáng khỏi phụ lòng quốc dân tin cậy.

— Giám thừa ngài, thế thì ngài đã định làm những việc gì chưa!

— Đã, tôi có một điều thực là ích quốc lợi dân đã rầm rập rồi.

— Thừa ngài, điều gì mà hay thế?

— Trước hết tôi xin lấp hồ Hoàn-kiểm.

— Thừa ngài cái hồ ấy là nơi rất thắng-cảnh trong thành phố mà? Tôi không hiểu ngài có ý gì cao kiến thế?

— Tôi định xin lấp đi là chỉ có ý cứu cho nhân-loại. Ngài thử nghĩ mà xem có phải là họ hể nơi tự-tử không?

Thư tín vật cùng các bạn độc-giả

PHÚC ĐÁP VỀ PHẦN PHÁP LUẬT

Bản-chí tiếp được bài M. Ng.-V-X. ở Hanoi hỏi, nguyên viết bằng pháp-văn nên lại phúc bằng pháp-văn. Xin cứ nguyên văn lục đăng ra đây, nhưng sợ rằng không được ích gì cho bạn độc-giả không đọc được chữ Pháp, nên lại dịch ra cả bằng quốc-văn để chư tôn đồng lãm :

Question. — *Je suis né à Haiduong, mais je suis domicilié depuis vingt ans à Hanoi, suis-je protégé français ou sujet français ?*

Réponse. — *Les Annamites de Cochinchine et les Annamites natis ou domiciliés dans les villes de Hanoi, de Haiphong et de Tourane qui sont territoire français, sont sujet français (Circulaire du Procureur général du 15 février 1903). Vous êtes donc sujet français, c'est-à-dire que vous dépendez administrativement des Résidents de France et autres autorités françaises, et que vous ne pouvez être jugé tant au civil qu'au pénal que par les tribunaux français.*

De même les infractions commises à votre préjudice par des indigènes sujets ou protégés français ne peuvent être jugées que par les tribunaux français d'après le code pénal français modifié.

Nous vous rappelons que le « domicile » d'une personne est le lieu où elle a son principal établissement; en d'autres termes, celui où elle a établi le siège de ses affaires et le centre de ses intérêts.

A. E. HUCKEL

Bài hỏi: Tôi sinh-quán ở Hải-dương nhưng trú-quán thì tại Hanoi đã hai mươi năm nay, vậy thì tôi là dân pháp bảo-hộ hay là dân pháp.

Bài đáp: Người Việt-Nam quán Nam-kỳ và sinh-quán hoặc trú-quán tại thành phố Hanoi, Haiphong, Tourane là dân pháp vì các nơi ấy là nhượng địa (theo tờ tru-tri của quan Trưởng-lý ngày 15 Février 1903). Vậy thì ông là dân pháp, nghĩa là về phần cai trị ông cũng thuộc quyền các quan Công-sứ hoặc các quan chức người pháp, và về pháp-luật hoặc hình hay hộ, cũng chỉ có tòa-án Tây sử cho ông được thôi.

Cả những việc mà người bản xứ hoặc là dân bảo-hộ, hoặc dân pháp, pháp-luật đối với ông thì cũng phải đem ra tòa-án tây sử theo như hình luật pháp đã sửa đổi lại.

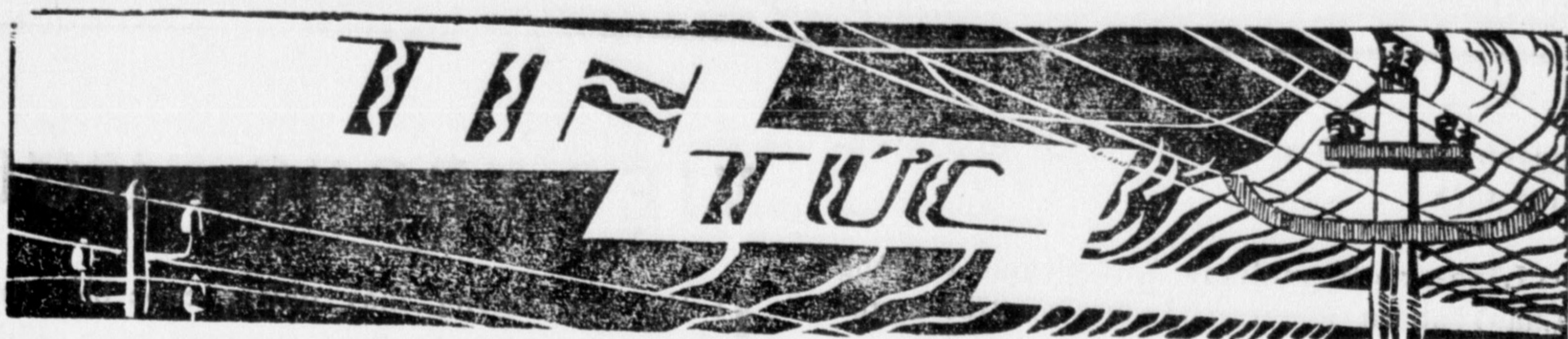
Xin nhắc lại để ông biết rằng: « trú-quán » nghĩa là nơi mà mình ở chính tại đấy hoặc là nơi chính sở buôn bán và có sở quyền lợi ở đấy.

Kính trình quý Độc-giả Tôn-ông và Tôn-bà,

Chúng tôi xin đa tạ các ông và các bà vừa mới gửi mang-đa về giả tiền mua Táp-chí hạn vừa rồi và hạn mới sau này. Vẫn còn nhiều Ngai chưa giả nhờ cho. Xin các Ngai xét cho rằng: « Bản-chí neo người không có thể phải người đi tận nơi thu được, và nhờ nhà Bưu-diện thu thì cũng phiền lắm. Xin các ông các bà nhiệm lời cho và gửi giả tiền ngay cho. Hiện nay chúng tôi đang cần được các bạn giúp đỡ cho. Chúng tôi trông cậy ở các Ngai để làm hết được cái chương-trình mà chúng tôi đã định, họa may có bổ ích được phần nào chăng.

Chúng tôi thực lấy làm trông mong lắm !!

Nay kính
TỰ-DÂN TẠP-CHÍ



VIỆC NƯỚC NGOÀI

Hội Vạn-quốc

Cái gương nữ-giới

Các bạn quân thoa cổ động cuộc hòa bình

Sáu hội lớn của các bà đã đệ đơn lên hội Vạn-quốc ở Genève xin hội-đồng lưu ý dừng bàn soạn hay là đề bàn đến luôn luôn về việc có thể xảy ra cuộc đại chiến thứ hai. Hội vạn quốc không nên dung thứ những cuộc như thế. Các nhà quyền bính do dân đã cử lên phải tận tâm vị quốc mà theo như điều ước Briand để bảo tồn cho nhân loại.

Sáu ban đại-hội này kể đến 40 triệu nữ-lưu, người 56 nước cả thầy.

Nga-la-Tur

Tại Tadjikirtan có động đất dữ dội, gần Stati-nabad bảy làng bị tàn phá, mười làng bị hại, 175 người chết, 300 người bị thương, 1.200 nhà không có chỗ ở.

Trung-Nga cương giới

Người Nga kêu rằng từ bắt đầu sang mùa hè này các báo-giới Trung-hoa bày đặt những tin tức để phản đối rằng đáng lẽ hai bên "phải hội-ngập với nhau để giải quyết mấy vấn đề quan trọng mà chỉ thấy nói mãi không thấy hợp. Thành ra về miền bắc Mãn-châu không được yên chỉ vì người các giống ở lẫn lộn với nhau, hay sinh ra khởi hấn; Bạch-Nga với Hồng-Nga sinh sự với nhau ở hai bên cương-giới, và chính ngay tại bên nước Nga "đảng Sô-viết và binh dân cũng chống cự nhau luôn. Lại có nhiều việc quân cường-đạo người Nga hoặc cựu-binh Trung-hoa rắc rối. Toàn cựu-binh Trung-hoa thường cướp bóc các nhà ga xe hỏa đường Trung-dông thiết-lộ.

Chính-phủ Sô-viết trách chính-phủ Trung-Hoa giảo quyết mà đề như thế. Chính-phủ Trung-Hoa thì đổ lại cho chính-phủ Sô-Viết chịn trách-nhiệm.

Nhật-bản

Lễ kỷ-niệm đệ thất niên trận động đất ở kinh thành Tokio và Yokohama. Khánh thành cái miếu lập ở Honjo, trên cái kho cũ là nơi hơn ba vạn người đến trú cả đấy rồi bị thiêu sống. Mếu ấy dựng mất một triệu lạng bạc Thủ-tướng Nhật là ông Hamaguchi cùng các chính-trị yếu nhân đều dự lễ.

Tại Yokohama, xã-trưởng là ông Ariyoshi có đặt vòng hoa ở nghĩa địa Nagishi lên trên một những người ngoại quốc bị hại mà không rõ người đâu. Trong ấy có nhiều nhà đi du lịch bị chết.

Thành phố Yokohama đệ tờ trình về việc lập lại thành-phố ấy chi tiêu mất 800 triệu lạng. 42000 nhà làm lại theo bản đồ mới của thành phố; 52 phố mở rộng đường đến hơn 22 thước; 100 cái cầu mới, máy đèn, máy nước, 100 phần thì đến 95 phần phải làm lại.

Tin bên Pháp

Hai phi-công Costes và Bellonte bay qua Đại-tây-Dương. Công-ty Pháp-Mỹ tại Nữu-Uóc đã đặt tiệc mừng ở trên tàu « L'île de France » do sứ-thần Pháp chủ tọa. Các danh nhân dự tiệc đông lắm.

Phi-công Fauvel người Pháp lại chiếm được giải quán quân về cuộc bay vòng ở Le Bourget-Vanciennes. Ông bay mười vòng cả thầy là 1049 ky-lô-mét mà trong khi bay lại không được im giờ lặng gió.

Nguyên trước giải quân quân ấy có 1033 kỵ-lô-mét mà thôi.

Tòa Lãnh-sự « République Dominicaine » (Đông Mỹ-Châu) báo tin rằng trận bão mới rồi 2700 người bị chết, 8000 người bị thương.

Núi lửa Stromboli ở Messine (cù lao Sicile về Địa-trung-Hải nước Ý lại thức dậy. Nguyên núi này đã hơn 22 năm (1908) nay đã phun lửa làm ở đây chết hại chia ba 2 phần nhân dân (ở đây được chừng độ 130000 người) nay lại thấy phun ra than đá nóng lắm, phun đến đâu là tàn phá đến đấy. Hiện mất 5 người chết và 15 người bị thương.

TIN TRUNG-HOA

Quân Quảng-Châu đã hạ lại thành Nam-Ninh. Tàu bay ném bom xuống, một quả rơi vào nhà thương làm nhiều người bị hại. Nhiều hiệu bị cướp. Người ngoại quốc phải chạy đi Ngô-Châu lánh nạn. Mãn-Châu dữ thái độ trung lập.

Một viên thượng-quan ở Phụng-thiên trần tình rằng hiện nay vì đường cương giới về phía bắc đang lắm nỗi quan ngại về cách hành động của Chính-phủ Xô-viết nên không thể gửi quân ra ngoài được.

Đến sau cùng lại được tin thêm về Phụng-thiên rằng Chính-phủ Phụng-thiên can dự vào chiến sự. quân Trương-học-Lương đã dời Sơn-Hải-quan tiến lên Bắc-Binh và Thiên-Tân, chừng 20 Septembre sẽ tới nơi.

Diêm-tích Sơn hạ lệnh cho đại-bản-doanh và các quân đội hai thành ấy nghênh tiếp quân Phụng-Thiên để khỏi việc phân tranh.

Khi nào quân Phụng-thiên ở miền Bắc-binh và Thiên-Tân thu thập xong, Trương-học-Lương sẽ phát hịch giảng hòa khuyên bọn quân phiệt Nam Bắc bãi chiến và các Đốc-quân đừng can dự vào việc chính trị nữa. Nếu bên nào không nghe thì Trương sẽ tiểu phạt.

Uông-tinh-Vệ và các quan trong tòa Nội-Các mới đã đi Thạch-gia-Trang để bàn bạc với Diêm-tích-Sơn quyết nghị về cách đối phó. Như vậy thì vận mệnh Trung-Hoa ngày nay ở trong tay Trương học-Lương.

A. R. L. P.

VIỆC TRONG NƯỚC

It lâu nay thường thấy những cuộc biểu tình xảy ra trong nước, thực là đáng buồn. Phần nhiều là chẳng hiểu đầu đuôi ra sao cả, chỉ có a dua mà bị hại.

Hết ngoài Bắc, đến Nam-kỳ, rồi lại Trung-kỳ thường có biểu-tình luôn. Mới đây ở Hà-tĩnh và Vinh xảy ra những mấy đám. Các quan địa-phương phải phải lĩnh đi đàn áp và tàu bay đi mới giải tán được.

Cuộc bầu Nghị-trưởng và ban trị-sự

Đến 25 Septembre này viện dân-biểu sẽ họp hội-đồng bầu Nghị-trưởng và ban trị-sự. Nhiều người nói rằng kén được ông Nghị-trưởng cho xứng đáng cũng khó, lại có người nói rằng bầu ai thì bầu cũng vậy miễn là đủ ban thì thôi. Nếu nói như vậy thì e là nhầm to. Cần phải chọn người đủ tài đức cho xứng đáng ghế nghị-trưởng thì mới mong rằng ích quốc lợi dân được.

Nay mai đến hôm bầu xin các ông lưu ý chớ có nhầm.

TIN MỪNG. — Được tin mừng đến ngày 29 Septembre này ông Đoàn-Ngo Cao-đẳng sinh-viên sẽ vâng lệnh song-đường làm lễ thành-hôn với cô Lê-thị Kim-Tuyến.

Xin có lời thành thực chúc cô dâu chú rể được trăm năm hảo hợp.

LÊ-VŨ-THAI

Thẻ lệ bảo cử tổng lý sửa đổi lại

(Tiếp theo)

Điều 43. — Người tình-nguyên được thôi bỏ hay là được bầu ra thì có nghị-định quan tỉnh bỏ cho làm phó tổng, nghị-định ấy phải do quan Công-sứ duyệt y. Người được bỏ phó-tổng được lĩnh một cái bằng và một cái triện.

Bằng-cấp ấy do quan tỉnh làm bằng chữ quốc-ngữ và chữ nho, trên một tờ giấy rộng khổ theo như kiểu mẫu của quan Thống-sứ định. Bằng ấy có ấn và chữ ký quan tỉnh và quan Công-sứ, do quan Công-sứ giao ở trước mặt quan tỉnh cùng với cái triện.

Điều 44. — Phó-tổng làm việc được bốn năm mà trong thời-hạn ấy không bị khiển-trách thì được thưởng hàm tòng-cửu-phẩm.

Phó tổng đã làm lý-trưởng hay phó-lý được ba năm mà trong thời hạn ấy không bị khiển-trách thì hể làm phó-tổng được hai năm cũng được thưởng hàm ấy.

Về sau, có thể vì sự thưởng công được thăng đến chánh bát-phẩm cứ bốn năm một trật, nhưng trong thời-hạn ấy không bị khiển-trách bao giờ mới được.

Nếu có công trạng đặc-biệt thì hai lệ ấy bất tất phải hợp lệ nào cũng được.

Điều 45. — Phó-tổng nào khi mới bổ đã có phẩm hàm rồi thì vẫn được giữ nguyên hàm ấy. Khi làm được bốn năm mà không bị khiển-trách thì sẽ được thăng bậc trên.

Điều 46. — Đối với phó-tổng các thể-lệ ở các điều từ 30 đến 35 về sự từ-dịch và trừng-phạt đều thi hành cả.

Điều 47. — Cứ lệ thì phó-tổng từ dịch vẫn làm việc luôn cho đến khi bổ người khác thay.

Nếu vì ốm nặng, vì bãi dịch hay cách dịch thì việc phó-tổng tự khắc tạm giao cho lý-trưởng nào đương thứ ở trong tổng đã làm được lâu hơn cả do nghị định quan tỉnh bổ và quan Công-sứ duyệt y.

Phó-tổng bị cách dịch mà không chịu nộp bằng thì phải tội theo như điều 86 trong bộ Hình-luật An-nam.

CHƯƠNG THỨ II

Lý-trưởng và Phó-lý

Điều 48. — CHỨC TRÁCH —. Lý-trưởng làm môi-gioi cho Nhà-nước và hàng xã ; phải giữ các công-văn không thuộc về hội-đồng hương-chính, phải giữ các sổ thuế của hàng xã cùng những mệnh-lệnh của Nhà-nước.

Lý trưởng phải coi riêng việc thu thuế của chính phủ Bảo-bộ và nộp vào kho-bạc, tiền thuế ấy thì làng phải liên đới chịu trách-nhiệm.

Lý-trưởng phải thi-hành các luật-lệ và nghị-dịnh của Nhà-nước, phải soạn các giấy má quan trên sức làm, phải chứng nhận các văn-thư.

Các công-văn do tòa án phát ra thì lý-trưởng phải tổng-đặt, phải sao lục hay là thi-hành ở trong xã.

Lý-trưởng phải truy-tầm các trọng-tội, khinh-tội, phải khám-biên các tội vi-cảnh và phải tuần-phòng trong làng

Phản những việc gì xảy ra có quan hệ đến sự trị-an thì phải báo cáo quan đầu hạt sở tại.

Lý-trưởng phải trông coi đường bộ đường thủy cùng là các vật kiến-trúc có ích công thuộc về địa-phận hàng xã, như là đê điều, đường sắt, cầu cống, đường điện-báo, điện-thoại, vãn vãn.

Điều 49. — Phó-lý phải giúp lý-trưởng trong mọi việc, và phải trông coi nhất về việc tuần-phòng và đạo-lộ.

Điều 50. — cách tuyểnbổ. — Phó-lý đương thứ đã làm ít ra được ba năm thì được thôi-bổ lý-trưởng, nhưng phải tùy ý người ấy có nhận thì mới bổ, nếu trong khi làm việc đã được quan Thống-sứ thưởng công về những công-trạng đặc-biệt, thì bất cứ làm được bao lâu cũng được bổ lý-trưởng.

Nếu trong một xã có mấy phó-lý hợp lệ trên ấy thì phải bầu-cử.

Phó-lý thôi-bổ lý-trưởng thì phải hợp các thể-lệ đã dự-dịnh ở điều 52.

(Còn nữa)

Cuộc đấu võ tại nhà hát Tây

Đến 4 Octobre 1930 sẽ có một cuộc đấu võ tại nhà hát Tây Hanoi để cổ động cho cuộc sổ sổ của hội Trí-Hòa, vậy bà con ta không nên bỏ mất một cuộc vui nghĩa lợi lưỡng toàn, vì ai mua vé vào xem sẽ tùy theo giá vé mà biểu [vé sổ sổ Trí-Hòa.

H. lai cáo

Bạn đồng nghiệp mới

Bản-chí vừa tiếp được số đầu Thánh-kinh báo của Mục-Sư W.C. Cadman gửi cho. Theo như mấy nhời phi lộ ngoài bìa thì « Thánh-kinh báo là cơ quan của Hội Tin-Lành Đông-Pháp để cắt nghĩa lẽ thật trong kinh thánh, soi sáng đường lối, mở mang trí khôn, giúp đời tín-đồ càng thêm sâu nhiệm, hưởng lấy hạnh phúc thiêng-liêng »

Giá báo mỗi số 0\$15, cả năm 10 số 1\$00 Tòa Báo tại số 1 Phố Nguyễn-Trãi Hanoi Bản-chí có lời cảm ơn Mục-Sư W.C. Cadman và chúc cho Thánh-kinh báo được trường thọ với non sông.

SOCIÉTÉ INTERNATIONALE D'ÉPARGNE

(Hội Vạn-Quốc để dành tiền)

Công-ty nạc danh của người Pháp giúp sự góp tiền để dành cho thành vốn.
Tổng cục ở số 7, phố Edouard VII, Thượng-hải

Vốn của công-ty là 65.000 lạng bạc Thượng-hải (một nửa đóng rồi)
và 2.000.000 quan tiền Pháp (một phần tư đóng rồi)

Tiền trừ bị đến ngày 30 Novembre 1929: 34.437.746,00 đồng bạc Thượng-hải.

Quản lý cõi Đông-pháp: 25, đường Guynemer. — SAIGON — Téléphone 571

Quản lý Trung-Bắc-Kỳ: phố Borgnis Desbordes. — HANOI — Téléphone 659

Hội thuộc quyền kiểm duyệt của phủ Toàn-Quyền Đông-Pháp. Tiền hùn lưu-trữ
nhận được ở Đông-Pháp thì ký tại nhà Ngân-hàng Đông-Pháp ở Saigon

Muốn tiết kiệm, muốn gây lấy tư-bản, muốn cho con
gái có tư-trang hội môn nên lấy một phiếu để dành

CÓ HAI CÁCH GÓP VỐN THỜI HẠN KHÁC NHAU :

Một cách góp trong 10 năm và đến cuối năm thứ 12 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi

Một cách góp trong 5 năm và đến cuối năm thứ 8 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi

CÔNG TY MÁY RƯỢU

ĐÔNG-PHÁP

Nhân mùa viêm nhiệt, các
nhà, nhà nào cũng nên
trữ rượu mạnh:

Rhums — Taffias,
Cognac

Nên đến nhà máy mà hỏi mua.

Lại có thứ rượu ngon lắm dùng chẳng
kém gì các thứ hạng nhất ở Pháp tái
sang.

報 商 洋 東

ĐÔNG DƯƠNG

THƯƠNG BÁO

Cơ quan cổ động và Đại-lý cho các
việc buôn bán các nhà kỹ-nghệ sản
vật Đông-dương.

DIRECTION et ADMINISTRATION

11, Rue du Chanvre, 11 — HANOI

Téléphone N° 604

Nhà in Long-Quang

Đóng sách, in sách, đủ các thứ

BANQUE DE L'INDOCHINE

DÔNG PHÁP HỘI-LÝ NGÂN HÀNG

Được đặc quyền sáng lập ra từ năm 1875

Vốn Hội : Francs 72.000.000

Tổng cộng khoản dự bị ngân đến ngày 30 Décembre 1928 Francs 105.000.000.

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Chánh : M Stanislas Simon, Chánh hội đồng trị sự công-ty Hỏa-xa Đông-dương và Nam.

Phó : M Paul Boyer, Chánh hội Thương-cục Comptoir National d'Escompte de Paris.

Tổng quản lý M René Thion de la Chaume, Nguyên thanh tra bộ Tài-chính.

Chủ nhiệm :

Nhà hội chính : 96, Boulevard Haussman. Paris (Ville)

CHI ĐIỂM Ở CÁC NƠI :

TRUNG HOA :

Canton Shanghai
Fort-Bayard. Tien sin
Hankéou Yun. anfou
Hong kong
Mong zeu
Pékin

ĐÔNG-DƯƠNG :

Battambang Phnom-penh
Cantho Qui-nhon
Haiphong Saigon
Hanoi Thanhhoa
Huê Tourane
Nam dinh Vinh

CÁC NƠI KHÁC :

Bangkok
Djibouti
Nouméa
Papeete
Pondichéry
Singapore

Thư từ giao dịch khắp cả hoan cầu

Nhận các việc về Ngân-Hàng, Change et Titres — Có tử bạc cho thuê — Ai cần việc gì, viết thư hỏi, xin giả lời ngay.

Adresse Télégraphique (Diêm bưu tín điện Indochine)

Giấy nói : Hanoi số 497 — Haiphong số 26 — Namdinh số 90 — Vinh số 45 — Thanhhoa số 37

(mở cửa ngày thứ ba)

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

XXXXXXXXXXXX
CÔNG TY NẤU RƯỢU ĐÔNG-PHÁP

Nhà máy
Hai-duong, Hanoi
= Nam-dinh =
Cholon - Binhtay

Các thứ rượu ta
— rượu mùi
— thấp đèn
Rượu Rhums-Tafias
== Râm ==

TRONG GÓI CHÈ
CÓ ĐỒNG TIỀN
VÀNG THƯỜNG

KAM TAI
棧 茶 泰 金
CHÍNH HIỆU CHÈ KIM THÁI



P. Chu

CHÈ MỚI ĐÀU XUÂN HIỆU

泰 KIM-THÁI 金

HANOI PHỐ HÀNG NGANG SỐ 3

HAIPHONG PHỐ KHÁCH SỐ 140

CLICHÉ A.P.

Phẩm nhìn thấy bức ảnh nào đẹp mà
có giá trị thì thấy có chữ ký

Wong Ky HANOI